



SỐ 4 ● THÁNG 7 - 1967

THANH TÂM TUYỀN	1	Dấu chân
TRẦN THANH HIỆP	17	Ý nghĩa một sự thức tỉnh (II)
NGUYỄN TRẦN KIỀM	33	Nghĩ về chiến tranh và hòa bình
VIÊN LINH	49	Kẻ tàn lòng
		Đưa tôi về trần thế (thơ)
KIỆT TẤN	64	Bây giờ em ở đây (truyện ngắn)
NGUYỄN SỸ TẾ	89	Phê bình mới
LÝ HOÀNG PHONG	92	Huế, thành phố bí ẩn
CARSON McCULLERS	89	Người phiêu bạt (truyện dịch)
VŨ KHẮC KHOAN	113	Ngộ nhận (kịch)
TUÝT	123	Một trang đùa
DU THANH HẢO	124	Ngoài lề

ANH K.

MỘT lần nữa VĂN ĐỀ thay đổi nhà in, địa chỉ của tòa soạn : địa chỉ mới đề anh liên lạc là số 95B đường Gia Long Saigon. Bắt đầu từ số 4, anh Duy Thanh phụ trách trình bày hình thức tờ báo, tạo cho nó ít nhất một bộ mặt mới ưa nhìn hơn. Phải nhận rằng ba số báo trước đây những khiếm khuyết tệ hại : ngày phát hành bất định, tờ báo quá tệ về phương diện ấn loát. Hy vọng số này làm anh hài lòng được phần nào.

Điều anh lưu ý sau cùng trong thư của anh cũng là điều làm chúng tôi lo ngại nhất : đừng đề nội dung tờ báo rớt vào chỗ « vô thưởng vô phạt ». Nhiều bạn bè thân hữu nhận xét VĂN ĐỀ cũng nhắc chừng điều ấy, nghiêm khắc hơn anh có người đã nói : VĂN ĐỀ mà chẳng thấy

Chủ nhiệm sáng lập
VŨ - CÔNG - TRỰC

Chủ biên
VŨ - KHẮC - KHOAN

Thư ký tòa soạn
THANH - TÂM - TUYỀN

Tòa soạn
95B, Gia-long, SAIGON

Ngân phiếu
B. BUI-THỊ HÒA-KHANH

Thư từ bản thảo
Ô. VŨ - KHẮC - KHOAN

có vấn đề gì cả. Đùng là chỗ khó khăn thật buột khởi từ danh xưng, phải làm thế nào cho phù hợp với nó.

Ngay số đầu tiên chúng tôi cũng đã nhận được nội dung tờ báo không đáp ứng đúng với quan niệm khởi thủy: VẤN ĐỀ là nơi tập hợp của mọi số người ở các lãnh vực khác nhau — tương đối còn có thể giả trong cái xã hội mập mờ của chúng ta — có cùng chung một ý tưởng (chỉ cả một ý tưởng thôi): suy nghĩ một cách thận trọng về các vấn đề chuyên môn trong địa hạt mỗi người. Những số báo sau không thể chỉ là tờ báo càng lìa xa quan niệm ban đầu, và đây số này có thể quả quyết nó đang biến dạng. Có rất nhiều lý do. Trước tiên phải thừa nhận sự bất lực thiếu khả năng, tổ chức của chính chúng tôi đã quy tụ được những cây bút cần thiết. Kể đến tình trạng mệt mỏi mỗi thờ ơ nói chung của mọi người lúc này.

Qua ba số báo trong cái vai trò thư ký soạn, tôi nhận thức rõ một điều: viết bảy giờ là một cố gắng phi thường. Tôi đã từng nghĩ hằng giờ chứng kiến những người bạn tôi đãm chiều nhón nhỏ trước trang giấy trắng thấy mình lơ đãng trong việc hành hạ bẻ bẻ một việc đôi khi chính mình cũng nghĩ là vô mỗi lần gặp mặt ai, câu cửa miệng của tôi là: viết xong chưa? đã viết chưa? mặt

tôi thừa rõ câu đáp. Ấy là với những người tạm có thể gọi nghề nghiệp là cầm bút, những người mà sự mệt mỏi mỗi thờ ơ chưa đến nỗi làm mất cái thói quen, nói gì đến người khác.

Tôi có thể nói với anh rằng cái tình trạng suy nhược tinh thần ở Sài Gòn đang thành một cơn bệnh nặng đối với giới mà tờ báo trông cậy. Ở đây người ta tụ họp, cãi lầy, đặt ra vô số vấn đề, ồn ào náo động. Rồi thôi, ai về chỗ ấy. Nếu anh yêu cầu người ta trình bày những ý kiến đã được nói say sưa hùng hồn thành bài viết phở biển, người ta sẽ nại thật nhiều cớ để lần tránh. Nhưng nguyên cớ chính yếu thì bị che đậy: sự suy nhược tinh thần diu người ta vào trong một cơn say thiếu máu, nói như người lên đồng và múa may trong rã rời tuyệt vọng. Người ta sợ phải suy nghĩ, nhất là suy nghĩ một mình.

Sự thiếu vắng hoạt động trí tuệ sản sinh những hiện tượng thật máu thuẫn. Có những người bộc lộ thành cái mặc cảm sợ hãi lý thuyết và tự cho là mình tích cực hơn bằng cách đi tìm hành động. Thật sự trong giai đoạn này hành động thiết yếu nhất là chính trị. Những người này đua nhau rời bỏ địa hạt chuyên môn để làm chính trị, nhưng với tinh thần suy nhược chẳng nhìn thấy một viễn tượng nào cho hành động của mình, chấp nhận ngay từ đầu những thất bại

sẽ đến với những biến mình dễ dãi sẵn có
chính trị đối với những người ấy chỉ là một lối
sống qua ngày nhón nhịp đồng vui, mạo hiểm
hơn giúp họ thoát khỏi khung cảnh ngày ngày
của công tác chuyên môn buồn tẻ, bế tắc trong
sự trống rỗng của đầu óc. Có những người tin
hơn, mới hơn sống trong mặc cảm lưu vong
lưu vong ngay tại tổ quốc quê hương.

Vì lẽ này nay lẽ khác, bị tách rời khỏi
giòng vận động lịch sử, những người «lưu vong»
mất cái nhìn toàn thể về thực tại xã hội, không
chấp nhận một thực tế của xã hội kèm phát triển
là sự ưu tiên của chính trị trước tất cả mọi
hoạt động đề tiến hóa. Tinh thần giải trừ chính
trị càng khiến những người này lạc lõng trong
hoạt động chuyên biệt, trong đời sống xã hội, là
nhất mình trong cái ảo tưởng theo kịp trào lưu
thế giới kỹ thuật phát triển mạnh mẽ, từ đó nhả
ra hai phần ba thế giới còn lại thì sự độc tôn
của hoạt động chính trị là hình thái lạc hậu thì
bỉ. Những kẻ lưu vong không thừa nhận những
vấn đề riêng, chỉ thấy những vấn đề chung, là
tưởng của họ không bao giờ là một nỗ lực
phản tỉnh tự biết cũng là một phần thực
trong một toàn thể lịch sử xã hội nhất định, là
chỉ là những khát vọng, những mơ ước của tâm
thần hơn mé suy nhược.

Náo động trong bụng bít và thụ động trong
mơ ước đều là những chứng kiệt quệ của một căn
bệnh ngặt nghèo.

Không còn ngày thơ có ảo tưởng về tác
động của chữ nghĩa, nhằm rõ đối tượng, cố gắng
suy nghĩ thẳng thắn, nuôi dưỡng cho mình và cho
người một tinh thần nào đó, chúng tôi hoàn toàn
đồng ý với anh, tờ báo cần có những suy nghĩ
chính trị. Sự nghèo nàn thiếu sót về tư tưởng
chính trị miền Nam là một hiện tượng thấy rõ.
Do quyết định ấy, mục Dấu Chân được thay đổi
đưa lên trên nhằm các đề tài chính trị, suy nghĩ
như một sinh hoạt tất yếu không thể lẫn tránh,
suy nghĩ của những người không tham vọng tự
biết giới hạn của mình cố gắng loại bớt đam mê,
suy nghĩ như một khởi công cần thiết trong một
viễn tượng tương lai muốn tìm thấy.

Tôi hy vọng rằng anh cùng nhìn thấy, vì vai
trò trót đóng hành hạ bè bạn quá nhiều, tôi bắt
buộc phải cáng đáng mục này để chứng tỏ với
các anh tôi không chỉ là «con ruồi» trong khi
các anh đang đầy xe. Mặc dầu như các anh biết
đấy, sự mệt mỏi thờ ơ cộng với tinh thần hoài
nghi «thâm căn cố đế» khiến tôi viết văn còn cực
nhọc thể nào huống chi bây giờ lại phải viết thư
văn chương chính trị. Đã như thế này chắc hẳn
tôi sẽ phải viết «thư gửi người bạn anarchiste»

rồi, không thể lùn khàn lưỡi biếng được nữa. An cứ yên chí, tôi sẽ viết.

THANH TÂM TUYÊN

kiểm duyệt 7 giòg

Chiến trận Trung Đông

C UỘC chiến Trung-Đông bùng nổ ngày 5 thì 6, tạm ngưng vào ngày 10 tháng 6 — cuộc chiến tranh « chớp nhoáng » « sấm sét » của Do-Thái chống lại bao vây của khối Ả-Rập — nhìn bề ngoài thật khác cuộc chiến tranh dai dẳng diễn trên đất nước chúng ta. Nghe tin tức không thôi cuộc chiến tranh ngăn ngủi — sự diễn ra quyết định « trong sáu mươi giờ » — giản dị, dẫn như một truyện phim chiếu bóng, một truyện vô của thời đại mới, với huyền thoại về ông Tướng một

trên sa mạc Sinai.

Nhưng thực sự không một cuộc chiến tranh nào giản dị cả. Cũng không một cuộc chiến tranh nào ngăn ngủi được trong tình cảnh thế giới ngày nay. Một trong những lãnh tụ Ả-Rập — Boumédiène — đã nói : « Chúng ta thua một trận nhưng chưa phải là bại toàn cuộc chiến. » Đó không phải là một lời vớt vát của tự ái, đó là một sự thực. Kể từ 1948 đến nay, Do-Thái đã thắng khối Ả-Rập ba trận liên nhưng chưa hề toàn thắng. Trong hai mươi năm nay dân Do-Thái và dân các nước Ả-Rập lân cận vẫn sống trong không khí chiến tranh. Và chiến tranh vẫn còn cũng chưa biết đến bao giờ. Người ta nói rằng ở Do-Thái sau ngày thắng trận không hề có cảnh tượng tưng bừng chào đón ngày vinh quang, dân chúng trở lại sinh hoạt bình thường với vẻ nghiêm trọng. Ngay bản đó, nhưng chưa thể có hòa bình.

Những ngày cuối tháng 5 khi Ai Cập phong tỏa vịnh Akaba, quân đội Ả Rập bao vây Do Thái như chực suốt sống quốc gia nhỏ bé này, thế giới (khi nói đến thế giới hãy nghĩ đó là phương Tây) nhón nháo, các lượng tâm được dịp thức tỉnh. Người ta kêu gào đòi hỏi quyền sống cho hai triệu dân Do Thái, tình nguyện chết cho Do Thái. Những kẻ phản đối chiến tranh tại V.N cũng sẵn sàng đứng sau nước Mỹ, sau lưng Tổng

Thống Mỹ đề chết cho Do Thái. Những kẻ vốn hòa bình tìm ra được lý lẽ chính đáng của chiến tranh trở nên hiếu chiến : đó là một cuộc thánh chiến. Các nhà trí thức thì lúng túng trong mặc cảm tội lỗi. Do Thái một dân tộc bị nguyên rủa đã bị xua đuổi đầy đọa tàn sát không thương tiếc trong những ngày qua muốn được sống hòa bình. Do Thái phải được thừa nhận quyền sống, nhằm loại tiến bộ ngày nay không thể lạc hậu khur khur giữ mãi cái thành kiến chống Do Thái.

Nhưng một trong những lãnh tụ dân Palestine lưu vong khi Do Thái lập quốc năm 1947, trả lời câu hỏi của một phóng viên Pháp đã nói : « Nếu ông nghĩ rằng có một vấn đề Do Thái, thì sự kiện một triệu người gần đây mới trở về Palestine không giải quyết được vấn đề ấy. Người ta không thể hiểu tại sao những việc khủng khiếp ghê gớm mà dân Âu Tây gây cho dân Do Thái bấy giờ lại bắt dân Ả Rập ở Palestine phải gánh trả bộ trong khi cho đến năm 1947 chính họ vẫn đối xử tử tế với dân Do Thái. Câu nói, dù cho có phần nào chủ quan chẳng nữa, vẫn dựa trên những sự kiện lịch sử rành rành. Chống Do Thái ư ? Đó là vấn đề của các xã hội Âu Tây từ biết bao thế kỷ nay trong lịch sử, cho đến bây giờ thành kiến về Do Thái vẫn chưa phải là đã tiêu diệt trong xã hội Âu Tây. Tàn sát Do Thái ư ? 6 triệu người Do Thái chết trong các lò sát sinh của Quốc xã trong kỳ chiến tranh đế nhị — Người Do Thái ở khắp Âu Châu sống trong các ghetto bị nhìn như một bọn hủi, bị lùng bắt xua đuổi

từng đoàn như súc vật vào các phòng hơi ngạt. Không phải là những người Ả Rập đã làm những điều ấy. Sau đế nhị thế chiến, đề chuộc lỗi với dân Do Thái, các cường quốc Âu Tây nhân danh Liên Hiệp quốc chấp nhận quyền lập quốc của Do Thái tại Palestine bất kể đến dân Ả Rập phản đối, đuổi hơn một triệu dân Ả Rập Palestine lưu vong từ ngày ấy. Trong khi luật di dân vào nước Mỹ chẳng hạn, ngay khi người Do Thái bị Quốc Xã săn đuổi, vẫn hạn chế đối với người Do Thái ; trong khi tại Nga xô, không kể dưới chế độ Nga Hoàng, ngay dưới chế độ xã hội chủ nghĩa phong trào chống Do Thái vẫn lâu lâu nảy sinh mạnh mẽ.

Sự thành lập quốc gia Do Thái như một « cây sắt nung đỏ ấn dấu vào hông người Ả Rập » và từ ngày ấy cuộc sống chung giữa Ả Rập và Do Thái nung nấu những thù hận truyền kiếp bị đầu độc thêm bởi những mưu đồ chính trị đế quốc : từ bản tuyên cáo Balfur năm 1917 cho đến quyết định năm 1947, sinh mệnh của các dân tộc Ả Rập và Do Thái chỉ là những con cờ của các cường quốc. Sự thành lập quốc gia Do Thái như là một hiện diện thay thế cho Tây Phương khi chủ nghĩa thực dân phải lui bước, về phía Nga quyết định ủng hộ Do Thái bấy giờ nhằm mục đích bầy Đế Quốc Anh ra khỏi Trung Đông. Mặt khác, vấn đề Do Thái giống như một chứng dịch của Âu Tây cần tìm cách tiêu trừ, nên tiện lợi nhất là Trung Đông bị nhiễm dịch đề cho Âu Tây được an toàn vừa được tiếng đáp ứng nguyện vọng của những con người gần hai nghìn năm sống không quê hương lúc nào cũng

ôm mộng trở về nơi đất tổ. Từ đây chứng dịch hoành hành định kỳ tại vùng đất ngoài Âu Tây : 1948, 1956, 1967..., không còn là Âu Tây trừ Do Thái nữa mà chính là người Ả Rập thân bí, lạc hậu, hiếu chiến.

Văn minh Âu Tây chưa hề thành « cái nghĩa địa của những kẻ đi chinh phục » như Malraux đã lo sợ ngày còn trẻ. Sự thắng lợi chớp nhoáng của Do Thái — cũng như uy thế độc tôn của Tây Phương đối với hoàn cầu ngày nay — chứng minh sức mạnh của kỹ thuật Tây Phương đối với mọi phần thế giới khác. Ả Rập chưa thể là kẻ địch của Do Thái. Kỹ thuật Tây Phương không phải chỉ nằm trong vũ khí tối tân, sự xử dụng thuần thục các loại vũ khí ấy ; kỹ thuật ấy còn nằm trong tổ chức xã hội, vận dụng con người càng lúc càng tinh xảo khôn khéo.

Sự thất bại mau lẹ của các nước Ả Rập còn là một kinh nghiệm chính trị quý báu : xử dụng yếu tố thần bí tôn giáo làm động lực cho một trào lưu lịch sử không thể còn hiệu nghiệm trong thế giới ngày nay. Muốn hay không, cũng đã là một sự kiện lịch sử, một thực tế hẳn hoi, chính Tây Phương đã tạo ra bộ mặt của địa cầu bây giờ với những rạch rỡ và tối tăm của nó ; người ta sống trên đó, phải chấp nhận (và đã chấp nhận từ lâu rồi) không có thể gì tách lìa khỏi bước lịch sử ấy nếu không muốn tự sát hoặc làm nổ tung địa cầu này (nếu có thể làm

được ?). Làm thế nào cái tinh thần Hồi giáo có thể hòa giải chế ngự được trong nó những xã hội mà mọi cơ cấu tổ chức sinh hoạt đã là sản phẩm của Phương Tây ? Trừ phi người ta biết thế mà vẫn xử dụng như một huyền hoặc cần thiết của chính trị không kể. Nhưng trong kỹ thuật Tây Phương không dung tha bất cứ sự huyền hoặc nào, mọi sự huyền hoặc đều bị công phá trong bước tiến của nền văn minh kỹ thuật này. Sự phá sản của cộng sản chủ nghĩa, sự lui bước của giáo hội Thiên Chúa, sự thức tỉnh của xã hội Mỹ ngày nay đều là bằng chứng đáng kể. Người ta chỉ có thể tồn tại khi nhận được rằng cuộc tiến hóa của thời đại này trước sau đều quy tập vào các đường lối văn minh Tây Phương, như trong quá khứ đã từng là thời đại của các nền văn minh khác, và người ta sẽ chỉ cùng thay đổi vận mệnh mình trong lòng nền văn minh ấy.

Dân tộc Do Thái có một định mệnh trớ trêu nhất trong lịch sử. Nó chính là một trong những phát tích của Tây Phương, giống dân ấy đã góp công kiến tạo ra Tây Phương ngày nay, nhưng luôn luôn bị Tây Phương xua đuổi. Hàng mấy chục thế kỷ sống xa quê hương vẫn không xóa mờ trong tâm trí người Do Thái giấc mộng trở về đất cũ. Cuối thế kỷ vừa qua và đầu thế kỷ này từ những ghetto ở Nga, ở Đông Âu trong những hồi phong trào chống Do Thái mạnh mẽ, những người tiên phong

lặn lội vượt các biên giới lén lút, đi bộ qua sa mạc tìm về mảnh đất tổ tiên thành lập những *kibboutz* đầu tiên, nền tảng của quốc gia Do Thái sau này, giữa biên người Ả Rập thù nghịch. Sau đệ nhị thế chiến, những kẻ may mắn thoát nạn diệt chủng của Quốc xã như đề lảnh xa cơn ác mộng kinh hoàng, quyết liều sống chết bằng mọi cách xâm nhập đất Palestine, dựng lấy một quốc gia, một quê hương của riêng mình. Những con người khốn nạn và dững cậm ấy có quyền sống chứ ?

Nhưng khốn nỗi cái mảnh đất của tổ tiên họ từ mấy chục thế kỷ nay đã có những con người khác sinh sống và đã thuộc về người khác. Muốn chiếm lại, người Do Thái bắt buộc phải tìm cách đánh bật rẽ những người ấy bằng mọi thế lực. Dân tộc Do Thái là dân tộc bất hạnh, nhưng quốc gia Do Thái lại là một siêu quốc gia bởi được xây dựng bằng thế lực của người Do Thái trên khắp thế giới. Sự trở về thành lập quốc gia của Do Thái mặc nhiên là một cuộc thực dân đối với Ả Rập. Và người Ả Rập không thể nào chấp nhận được sự hiện diện của Do Thái trên mảnh đất vốn là của họ đã gần hai ngàn năm. Người ta nói rằng các bản đồ Trung Đông vẽ ở Ai Cập không hề có thấy hình dung nước Do Thái.

Do đó, tấn kích Trung Đông cũng còn là tấn kích của tinh thần quốc gia cực đoan, chưa nhìn thấy hồi kết thúc. Mỗi một trận thắng của Do Thái là thêm một thất bại của Do Thái, nó hạ nhục người Ả Rập, khơi sâu thêm lòng thù hận truyền kiếp và những người Do Thái ở

những nước Ả Rập phải gánh lấy sự trả thù. Trong thực tế cộng đồng Ả Rập và Do Thái vẫn chung sống với nhau tại nhiều nơi, nhưng tinh thần quốc gia cực đoan với màu sắc thần bí của cả hai phe vẫn được nuôi dưỡng khai thác để phục vụ cho sự đồ chính trị cùng sự tranh giành quyền lợi của các đế quốc.

Bí mật và công khai

Đó là một biến chuyển không được mấy người chú ý, nó chìm vào trong những ồn ào nổi dạt thường xuyên của cái thời tiết dễ thay đổi bất ngờ, khó lường đoán, của bầu không khí chính trị ở đây. Trong vòng chưa đầy nửa tháng, hai cuộc hội họp của hai hệ phái V.N.Q.D.Đ. tại hai nơi cách nhau khoảng ba mươi cây số công bố quyết định ra khỏi bí mật để hoạt động công khai.

Quyết định ấy của một chính đảng được thành lập đã bốn mươi năm nay, công đóng góp vào lịch sử đấu tranh giải phóng cho V.N thật lớn lao, đáng phải suy nghĩ. Gạt ra những mưu tính cá nhân không thể tránh — nhưng trong chính trị xét cho cùng mưu tính cá nhân cũng nằm trong sự thúc đẩy của những lực lượng xã hội và lịch sử nào đó, không có cá nhân trong chính trị—bước ra công khai đối với Việt Quốc là một hành động can đảm, dám từ khước một huyền hoặc đã ướp cứng đảng trong nhiều

năm — huyền hoặc về một « đảng cách mạng » — chấp nhận một thực tế : cái thời kỳ đấu tranh bí mật đã chấm dứt, không còn thích hợp.

Hoạt động, tổ chức bí mật không phải là phương sách trường kỳ vĩnh viễn của một chính đảng, nó chỉ là cái thế bị dồn ép của những lực lượng yếu kém cần bảo toàn, không thể đương đầu công khai với địch thủ. Bí mật chỉ là thế tự vệ, giai đoạn chuẩn bị lực lượng, chờ đợi thời cơ và thật lăm lăm khi xem nó như một sức mạnh, một cứu cánh của tổ chức và hoạt động không muốn rời bỏ. Ngay từ 1945 các đảng phái quốc gia đã từng xuất đầu lộ diện, đấu tranh công khai với đảng cộng sản nhưng thất bại. Sự thất bại quá nặng nề làm tan rã lực lượng, phân hóa hàng ngũ, bắt buộc các đảng phái ấy ẩn mình vào bóng tối. Rồi dường như từ đấy nảy sinh những tâm lý nguy hiểm trong nội bộ các đảng. Không muốn nhận kinh nghiệm thất bại ấy với chính mình để tìm cách hàn gắn, tập hợp lại hàng ngũ, gây dựng cơ sở nhiều người chỉ muốn xóa mờ « kỷ niệm đau buồn » trong sự cố tạo ra vẻ bí mật thần thánh như hồi tổ chức còn sơ khai với hào quang của các vị liệt sĩ thời trước đối với quần chúng. Nhiều người khác, những người sốt ruột trong tình thế mập mờ tự động bước ra công khai với tư cách cá nhân, hoạt động trong những thế liên minh có tính cách chiến thuật không được sự hỗ trợ tích cực của các đồng chí chỉ có thể trở thành hoạt đầu trước mắt quần chúng dù cho ngay tình chính trực cách mấy — bởi lẽ hành động cá nhân trong chính trị chỉ có thể biện minh bằng quyền lợi tổ chức,

chiến thuật chỉ có thể biện minh trong một đường lối hoặc một chiến lược nào đó của một tổ chức khiên cho nội bộ càng phân hóa thêm. Mâu thuẫn những tâm lý trên du các đảng quốc gia vào chỗ ngưng trệ thụ động, lẩn lảng trong tình trạng bán công khai vô hiệu trong hành động : người hoạt động công khai chỉ được sự thỏa thuận tiêu cực của các đồng chí không đủ thế để đương đầu với các lực lượng khác trong liên minh, còn người bí mật lại chỉ nhắm gây dựng lực lượng bằng « tinh thần hội kín » với những tính toán bất biến vô hạn kỳ bất chấp mọi thực tế.

Bảo thủ trong cái thế bán công khai, không phát triển, người ta bỏ qua những cơ hội lịch sử đáng trách. Thật vậy, nếu quả như có lực lượng, các đảng phái quốc gia đã sai lầm nghiêm trọng khi không chịu ra công khai tranh đấu năm 1954 lúc tình thế lịch sử phân minh thuận lợi cho họ. Sự vắng mặt của các đảng phái quốc gia trên chính trường bấy giờ đã giúp cho ông Ngô đình Diệm thành thoi « một mình một cỗ ».

Nhưng bước ra công khai là bước sang thế công tất đòi hỏi những mục tiêu, kế hoạch, lực lượng tổ chức cần thiết, những phương tiện kỹ thuật hành động khác hẳn thời kỳ ẩn núp trong bóng tối. Trong bí mật, sự thụ động có thể che đậy bằng một toan tính dài hạn, sự lăm lăm thiếu sót có thể trút đổ cho các cá nhân, một tổ chức thu hẹp giới hạn bùng bít có thể là bắt buộc, mọi phương tiện và kỹ thuật đều có thể được phép thì ngoài công khai không thể. Thụ động trước những biến chuyển là bị

tràn ngập, lâm lỗi thiếu sót phơi bày trước mắt mọi người, tổ chức bắt buộc phải phát triển mở rộng và nhất thống, phải nắm vững những phương tiện, kỹ thuật đấu tranh công khai nếu không muốn tan rã mau chóng trước những lực lượng đối nghịch. Do đó ra công khai đối với Việt Quốc có thể là dịp hồi sinh và cũng có thể là ngày cáo chung của nó.

Hồi sinh nếu đó là một thể công đã được chuẩn bị kỹ lưỡng và cáo chung nếu bị hướng dẫn bởi những đam mê nhất thời.

THANH TÂM TUYỀN

TRẦN THANH HIỆP

1 nghĩa một sự thức tỉnh (II)

NHỮNG người cộng sản có tham vọng đạt tới một sự hiểu biết toàn vẹn về con người để giải quyết một cách toàn vẹn vấn đề đời sống loài người, không phải chỉ trong một thời cơ nhất định mà trong suốt cả một quá trình tiến hóa từ khổ đau tiến lên hạnh phúc. Tham vọng ấy đòi hỏi phải quy nhập (intégrer) con người vào cái toàn thể nó cần phải có để thành người đáng là người, hay nói một cách khác phải tìm ra phương thức thống nhất Con Người với Lịch sử. Biện chứng pháp duy vật là một nhận thức đặc biệt để khám phá con người bằng lịch sử đồng thời làm lịch sử bằng con người (đó là tin tưởng của những người cộng sản).

Trong tư tưởng, sự vận hành của biện chứng pháp là một công trình toàn-thể-hóa (totalisation). Những người khởi xướng chủ nghĩa duy vật hiện đại—Marx và Engels—đã có sáng kiến chuyển dịch biện chứng pháp vào thực tại xã hội để khám phá xã hội ấy đồng thời hành động cải tạo nó.

Bởi quan niệm rằng toàn thể tính của con người là¹⁾ Như cũ, Lao Động, Hướng Thụ trong những điều kiện lịch sử nhất định nên dưới con mắt của họ, toàn thể tính của xã hội là Tương Quan Sản Xuất (Rapport de Production), khi xã hội loài người mất đi sự quân bình của một xã hội cộng sản nguyên

thủy, nghĩa là khi những phương tiện sản xuất bị tư hữu hóa thì xã hội loài người bắt đầu phân hóa và nạn người bóc lột người bắt đầu xuất hiện. Chế độ nô lệ ra đời từ đó và trải qua bao nhiêu thời đại, loài người cũng vẫn chưa tìm lại được toàn thể tính của mình. (Theo những người cộng sản) cần phải cộng sản hóa xã hội hiện tại để tái quân bình những tương quan sản xuất do đó khôi phục toàn thể tính cho nhân loại.

Hơn một thế kỷ về trước những tư tưởng kể trên của Marx và Engels mới lạ như những lời tiên tri. Khi loài người chết đi, vào những năm cuối thế kỷ XIX những tư tưởng ấy vẫn còn là những ảo tưởng.

Ngày nay không còn bị ngầy ngất bởi tư tưởng của Marx và Engels, những con người của hậu bán thế kỷ XX—mà gia tốc của lịch sử (accélération de l'histoire) đã đưa đi quá xa so với đồng loại của thế kỷ trước—bỗng nhận thấy nó thô sơ.

Một giáo sư chính trị học người Anh (1) đã viết rằng: « Lịch sử đã có nhiều tiến bộ kể từ năm 1847, nhất là từ đầu thế kỷ này. Nó đã đẩy xa sự sưa tẩm mủi tận thời tiền sử, trong những biến cố của hiện đại mà Karl Marx chưa biết tới trong lãnh vực Mỹ châu và Á châu hồi đó còn chưa được khai phá, trong sự phát triển của khoa học, một mảnh đất chỉ mới cào trên bề mặt. Sự thật Karl Marx khởi đi từ một thi dụ riêng lẻ để đặt ra một luật tắc chung. Chúng ta có tài liệu về sự khai sinh và sự đổ của các nền văn minh trong khoảng thời gian chừng 30 ngàn năm. Karl Marx đã xây dựng lý thuyết kinh tế trên sự phân tích 300 năm sinh hoạt của riêng một nền văn minh... »

Dĩ nhiên những lời phê bình ấy không được những người cộng sản coi là có giá trị, vì như vậy là đánh giá quá thấp tư tưởng của Marx. Nhưng tuy thế, họ cũng phải nhìn nhận

đang trong 20 năm hậu chiến vừa qua, ý thức con người đã tách biệt với thực tại lịch sử vì ý thức ấy đã tiến chậm hơn lịch sử. Một sự thay đổi không phải về lượng mà về phẩm chất xảy ra. Roger Garaudy lý thuyết gia bậc nhất của Đảng Cộng Sản Pháp nhận định rằng Đại Hội thứ XX của Đảng Cộng Sản Nga Số đánh dấu sự khởi đầu của một sự tỉnh ngộ bị kìm nhưng sống động... Cuộc thử thách của Đại Hội lần thứ XX đã giúp cho triết lý mác xít một dịp nảy nở thứ ba... (1) Những người cộng sản đang đi tái chiếm lại những tư tưởng vững chắc cũ đã bị mất. Nói một cách khác cần phải đổi mới—dù trong một phạm vi nào—chủ nghĩa cộng sản như trước đây Ludwig Feuerbach đã nhấn mạnh « Chủ nghĩa duy vật cần phải tìm một hình thức mới mỗi khi có một phát minh lớn ghi dấu một bước tiến trong lịch sử khoa học. »

Tuy thế những người cộng sản vẫn muốn tìm cho chủ nghĩa ấy một giá trị vĩnh cửu khi họ coi nó như một ý thức khải niệm (conscience historique) để nhân loại y cứ vào đó mà làm lịch sử. Xã hội cộng sản sẽ thay thế xã hội tư bản; giai cấp vô sản—và chỉ có giai cấp này mà thôi—là lực lượng cốt cán hoàn thành sự mệnh lịch sử ấy đưa tới sự phá bỏ giai cấp, phá bỏ quốc gia dân tộc đoàn kết nhân loại thành một xã hội hòa, sung túc thịnh vượng không có chiến tranh, không áp bức.

Để tiến đến xã hội lý tưởng ấy cần phải có vô sản chuyên chính để trước hết thực thi xã hội chủ nghĩa tạo điều kiện thuận lợi cho sự thanh bình của xã hội cộng sản. Tuy chưa có xác định thời gian chuyển hóa tư bản thành cộng sản nhưng chuyển hóa ấy ngay từ bây giờ đã được coi như một tất yếu lịch sử—« Internationale : sẽ là xã hội tương lai! ».

Những gì đã xảy ra từ hơn một thế kỷ nay có đi đúng

(1) C. Northcote Parkinson. L'évolution de la pensée politique — Idées.

(1) Roger Garaudy — Marxisme du XX^e siècle — La Palatine 1966

tất yếu lịch sử nói trên không? Trong một bài trước (1) chúng ta đã ghi nhận sự xuất hiện của con người cá nhân — thay vì con người xã hội — tại Nga Xô một chính thể được xây dựng trong nửa thế kỷ bằng chủ nghĩa cộng sản dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản. Trong bài này vấn đề Dân Tộc sẽ được xét tới.

*

Mỗi khi nói đến Dân Tộc thường thường người ta hay liên tưởng đến Tổ Quốc và Quốc Gia. Theo Marx thì «Người vô sản không có tổ quốc» (Les ouvriers n'ont pas de patrie) (2) Nói thế không có nghĩa là nói rằng thợ thuyền vô sản phản bội tổ quốc. Đúng hơn, người vô sản không quan niệm có tổ quốc vì theo họ «Lịch sử của mọi xã hội, cho đến nay chỉ là lịch sử của đấu tranh giai cấp» (3) Từ tin-diệu ấy phải đi tới kết luận rằng Quốc Gia (hay Nhà Nước) là cơ quan của một giai cấp dùng để thống trị bóc lột một giai cấp khác vậy sẽ không còn quốc gia dưới chủ nghĩa cộng sản. Mặt khác bởi chỉ có giai cấp mà thôi, nên không thể có dân tộc. Do đó chủ nghĩa Cộng sản thường được coi như vô tổ quốc, phi dân tộc.

Nhưng nếu công bình thì có thể cho rằng: Cộng sản vốn công nhận lại vừa phủ nhận dân tộc. Sự thật Marx ít chú trọng tới vấn đề dân tộc. Nhưng người kế vị Marx là Lénine đã đặt vấn đề này một cách đầy đủ hơn. Tuy vậy Lénine cũng không xét vấn đề dân tộc như một đề mục nghiên cứu khoa học riêng rẽ mà lại chỉ bàn đến nó trong mối liên hệ với sự phá

hải của chủ nghĩa tư bản và với cuộc cách mạng vô sản. Trong phẩm Karl Marx của ông, Lénine đã nói rằng: «Dân tộc là sản phẩm tất nhiên và hình thức tất nhiên của thời đại phát triển của xã hội tư bản chủ nghĩa.» (1) Vấn đề này đối với vô sản chỉ được đặt ra trong những nước bị áp bức thực dân-địa hay bán thực dân-địa trong đó giai cấp tư sản cùng với dân chúng chống lại chế độ quốc gia. Mục đích của Lénine là đặt vấn đề dân tộc để giải quyết mâu thuẫn của vô sản đối với tư sản trong cuộc cách mạng dân chủ vô sản. Vẫn theo Lénine, sự thắng lợi của chủ nghĩa tư bản đối với chủ nghĩa phong kiến dinh dưởng với những cuộc vận động dân tộc tư sản bằng sự thắng lợi đối với phong kiến đã chấm dứt được tình trạng phân chia, cát cứ của phong kiến để hoàn thành sự thống nhất dân tộc và Nhà Nước Dân tộc (Etat National) để vì nhu cầu thống nhất nội bộ, tại Nga Xô Lénine đã đề xướng Nguyên Dân Tộc Tự Quyết. Chủ trương này còn có tác dụng ngăn bộ những cuộc tranh đấu của các nước bị trị chống đế quốc tư bản. Nhưng Lénine không quên minh xác rằng chẳng phải vì vậy mà chính sách dân tộc của vô sản trùng hợp với chính sách của tư sản. Vô sản chỉ ủng hộ những yêu sách dân tộc của tư sản theo một chiều hướng nhất định, phụ thuộc vào quyền lợi của cuộc đấu tranh giai cấp. Vô sản ủng hộ tư sản trong cuộc chiến đấu chống áp bức của một dân tộc khác, nhưng vô sản chống đối tư sản trong xu hướng dân tộc tư sản của giai cấp này. Vô sản công nhận dân tộc nhưng vẫn đòi có quyền tự quyết trong khuôn khổ của dân tộc, và quyền tiêu diệt hết mọi giai cấp khác để tự mình thay thế dân tộc. (2)

Quảng diễn những ý kiến của Lénine, Staline đã nêu lên

(1) Xin xem Văn Đề số 3- Tháng 6 năm 1967 — Ý nghĩa một thực tiễn. T.T.H.

(2) Manifeste du Parti Communiste. Editions Sociales. Paris. 1954

(3) Sách đã dẫn ở trên

(1) do Đào Duy Anh trích dẫn trong cuốn Văn Đề Hình Thành của Dân Tộc Việt Nam - Xây Dựng — 1957.

(2) Henri Lefèvre — Pour connaître la pensée de Lénine.

một định nghĩa rõ rệt và khái niệm Dân Tộc : « Dân Tộc là một cộng đồng thể người ổn định có một tiếng nói chung, một địa vực chung, một sinh hoạt kinh tế chung cùng một trạng thái tinh thần chung biểu hiện trong một nền văn hóa chung » (1)

Bốn đặc trưng ấy cần phải hội đủ mới thành dân tộc được và không một đặc trưng nào tách riêng ra có thể định nghĩa dân tộc. Ở mục Cuộc vận động dân tộc, Staline nói : « Dân tộc không phải chỉ là một phạm trù lịch sử, mà là một phạm trù lịch sử của một thời đại nhất định, tức là thời đại của chủ nghĩa tư bản đang tiến lên. Quá trình tiêu diệt của chế độ phong kiến và quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản đồng thời cũng là quá trình hợp thành dân tộc của người ta » (2). Đó là quan điểm phát biểu năm 1913. Đến năm 1929 Staline nói thêm rằng : « Trên thế giới có đủ các loại dân tộc (toutes sortes de nations) Staline gọi chung là các « dân tộc cận đại ». Nhưng Staline vẫn giữ vững lập trường theo đó chỉ đến thời kỳ chủ nghĩa tư bản tiến lên mới có đủ thị trường dân tộc, trong tâm kinh tế và trung tâm văn hóa thì mới có đủ điều kiện thực tế để cho các đặc trưng nói trên phát hiện hợp thành dân tộc. Những dân tộc thành hình theo quá trình này là các dân tộc « cận đại », dân tộc tư sản. Ngoài loại này, còn một loại dân tộc thứ hai nữa gọi là dân tộc xã hội chủ nghĩa là dân tộc hình thành và phát triển sau khi giai cấp tư bản bị lật đổ, sau khi giai cấp tư sản và chính đảng dân tộc chủ nghĩa bị tiêu diệt. Chính giai cấp công nhân cùng chính đảng quốc tế lãnh đạo dân tộc kiểu mới ấy với những mục tiêu xác định như sau :]

« Nhằm thành lập khối liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân lao động ở trong nội bộ của dân tộc để tiêu diệt những tàn

tích của chủ nghĩa tư bản và xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, nhằm tiêu diệt những tàn tích của sự áp bức dân tộc để thực hiện quyền lợi bình đẳng và sự phát triển tự do của các dân tộc và các dân tộc thiểu số; nhằm tiêu diệt những tàn tích của chủ nghĩa dân tộc mà xác lập chủ nghĩa quốc tế; nhằm đấu tranh chống chính sách xâm lược và chiến tranh xâm lược; nhằm đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và kết thành một trận thống nhất giữa tất cả các dân tộc bị áp bức và không có quyền lợi bình đẳng... » (1)

Nói tóm lại dưới mắt những người cộng sản, dân tộc rút lại cũng chỉ là một hiện tượng lịch sử chịu sự chi phối của qui luật tiến hóa, có lịch sử riêng nghĩa là có thủy cũng như có chung.

Bởi thế nên đối với cộng sản, dân tộc không phải là một thứ gì bất biến kể cả cái trạng thái tâm lý thường được gọi là dân tộc tính. Dân tộc chỉ hiện hữu trong một thời kỳ nhất định nào đó vì nó thay đổi tùy theo sự thay đổi của điều kiện sinh hoạt. Mặt khác, trong dân tộc vẫn có giai cấp vậy nên dân tộc mang dấu vết giai cấp tức giai cấp thống trị vì giai cấp này đã nhân danh toàn thể xã hội mà thi hành chính sách của mình.

Tuy rằng dân tộc được coi như hiện hữu cùng với giai cấp nhưng thật ra thì cộng sản chỉ căn cứ vào giai cấp để giải thích lịch sử và làm lịch sử. Nói một cách khác đối với cộng sản, ý niệm giai cấp đã lấn át ý niệm dân tộc nếu không muốn nói rằng ý niệm giai cấp đã được dùng làm căn cứ để cấu tạo ý niệm dân tộc. Vì vậy mà dân tộc trong quá trình thành lập các xã hội cộng sản vấn đề dân tộc càng ngày càng được đặt ra với cộng sản một cách gay gắt. Diện mạo của thế giới cộng sản ngày nay chính là sự xuất hiện của con người cá nhân và của dân tộc trong thực tại cộng sản. Cho tới nay thì đối với cộng sản — ít nữa là về mặt lý luận — dân tộc tuy

(1) Staline—Le Marxisme et la question nationale do Đào Duy Anh trích dẫn trong quyển Vấn đề hình thành của dân tộc Việt Nam — Sđđ.

(2) Đào Duy Anh, — Sđđ.

1) Staline — Đào Duy Anh — Sđđ.

được nhìn nhận là có nhưng chỉ là một khung cảnh xã hội và lịch sử trong đó các giai cấp sinh hoạt chung hay đứng bên cùng nhau tranh đấu. Nhưng với sự chỗi dậy của nhiều nước chưa hẳn trong khối cộng sản và nhất là cuộc tranh chấp Nga-Sô — Trung Cộng ta thấy vấn đề dân tộc bắt đầu trở thành một vấn đề quyết định tương lai của khối cộng sản.

Thật vậy, theo nguyên lý cộng sản thì giai cấp vô sản không thể mâu thuẫn với chính nó, và sự liên đới của giai cấp vượt khỏi phạm vi một dân tộc nhất định. Ý thức dân tộc chủng tộc phải nhường bước cho cho ý thức giai cấp (vô sản).

Ta có thể đề sang một bên trường hợp nhân dân Hung-Gia-Lợi nổi lên vũ trang chống Nga-Sô với nguyện vọng cần được đối đãi bình đẳng, cần được quyền tự quyết theo đúng quan điểm của Lênine.

Ta cũng có thể không bàn tới trường hợp của Nam Tư đã không ngăn ngại đoạn giao với thế giới cộng sản, bắt tay với tư bản để xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Ta cũng ghi nhận rằng nhiều nước cộng sản như các tiểu đã tùy theo tình thế và dưới nhiều hình thức khác nhau: chống đối, hờn dỗi, thỏa hiệp v.v., mà cố tình tranh thủ sự độc lập đối với Mạc Tư Khoa.

Nhưng có một cuộc tranh chấp tối quan trọng khiến cho hàng ngũ cộng sản quốc tế xáo trộn gần 10 năm nay thúc bách những người cộng sản rồi đây phải giải quyết được một sự mâu thuẫn chí tử của họ: mâu thuẫn giữa ý thức quốc tế về giai cấp và ý thức dân tộc. Đó là cuộc tranh chấp giữa Nga-Sô và Trung Cộng.

Ở đây không nhắc lại đầy đủ các sự kiện đã liên tiếp xảy ra cấu thành cuộc tranh chấp lịch sử ấy. Trước hết vì quá nhiều; Hàng ngàn hàng vạn bài nói, bài viết, khẩu hiệu công kích mạ lỵ nhau. Ngoài ra lại còn những cuộc biểu tình, đập phá, xung đột. Sau nữa, các sự kiện ấy đôi khi chỉ nhờ những

bề ngoài che đậy những ý định thâm kín bên trong mà cả hai bên đều không muốn bộc lộ. Chính những ý định thâm kín ấy ta cần phải tìm hiểu.

Cuộc tranh chấp Nga-Hoa là một thí dụ về một hình thái chiến tranh mới: Chiến tranh qua trung gian. Nga-sô đã chọn Albanie để tấn công Trung Cộng và Trung Cộng mượn Nam Tư để thay thế cho Nga-Sô để phản công.

Cuộc xung đột đã diễn ra trên mặt trận ý thức hệ. Nhiều vấn đề được đề cập tới: tinh chất của thời đại hiện nay, nhận thức đối với chủ nghĩa đế quốc, chiến tranh và hòa bình, chung sống hòa bình giữa hai thế giới cộng sản và tư bản, quá độ hòa bình, chuyển hóa hòa bình hay không hòa bình từ bản thành cộng sản v.v... Cả hai bên đều trích dẫn tư tưởng Marx và Lênine, nhào lộn với những danh từ Mácxit để giành lấy phần thắng về mình, đặt đối phương vào thế bị cáo lầm đường. Trung Cộng chỉ trích Nga-Sô là « kẻ xét lại » Nga-Sô không ngăn ngại kết tội Trung Cộng là « giáo điều ». Nga-Sô tự bào « đã có khả năng hiện thực gạt bỏ lần cuối cùng và vĩnh viễn mọi cuộc chiến tranh ra khỏi đời sống xã hội » và đã có thể « thực hiện một thế giới không có vũ khí, không có quân đội và không có chiến tranh » trong điều kiện vẫn còn chế độ đế quốc chủ nghĩa. Để thành công như vậy « cần phải cố gắng làm cho cuộc đấu tranh không thể tránh khỏi giữa hai chế độ trở thành cuộc đấu tranh giữa hai hình thái ý thức mà thôi và trở thành cuộc thi đua hòa bình. » Phản ứng của Trung cộng đã được biểu lộ cũng bằng một sự tự hào rằng họ luôn luôn giữ vững lòng trung kiên với cuộc cách mạng vô sản thế giới, rằng họ không run sợ trước sức mạnh của vũ khí nguyên tử. « Loài người sẽ tiêu diệt vũ khí nguyên tử chứ vũ khí nguyên tử không thể tiêu diệt loài người. » Và « trên bãi hoang tàn mà chủ nghĩa đế quốc đã chết, nhân dân thắng lợi sẽ có thể sáng tạo nên một nền văn minh cao gấp trăm nghìn

lần chế độ tư bản chủ nghĩa và sáng tạo nên một tương lai thật sự tươi đẹp của mình bằng những bước tiến rất nhanh chóng.» Hiên nhiên là Nga Sô không ưa thích cái lối tự hào cách mạng ấy của Trung Cộng. Tại Mạc Tư Khoa chính Mao Trạch Đông đã không che dấu: « Gió Đông Phương đã át gió Tây Phương », Người Nga thường cho rằng người Trung Hoa muốn coi mình như những con người đặc biệt. Phi công Trung Cộng muốn chỉ học trong 20 giờ những gì cần phải học trong 40 giờ và một người Nga làm cố vấn cho Trung Cộng đã thốt lên lời mỉa mai: « Không thể làm cho họ chấp nhận rằng một người Trung Hoa cũng chỉ là một con người như những người khác.

Những cuộc tranh luận như vậy đã xảy ra nhiều lần và sự thật tự nó không có ý nghĩa đáng kể bằng việc nó phản ánh những mâu thuẫn lâu đời và sâu sắc giữa hai dân tộc và mối dây giữa hai nước cộng sản lớn mạnh. Những mâu thuẫn về địa lý, về lịch sử, về chủng tộc, phát hiện từ thượng cổ và liên tiếp khởi diễn tới ngày nay. Người Nga không thể quên được những cuộc trường chinh của người da vàng. Gengis Khan đã reo rắc trên đất Nga bao nhiêu thảm họa, xương chất thành đống. Thế kỷ XIV, đế quốc Mông Cổ kéo dài từ Trung Hoa cho tới cửa thành Vienne. Nga Sô chỉ là một tỉnh bị trị thuộc miền tây, cung cấp lương thực, binh sĩ cho mẫu quốc. Khi Marco Polo tới Bắc Kinh, cận vệ danh dự của Đại Hãn Koubilai là người Nga! Trong hơn 200 năm, nước Nga bị tách rời khỏi Âu Châu, không biết đến Phục Hưng đến những đại phát minh v.v...

Dưới thời Mông cổ, gió đã thổi từ Đông sang Tây. Nhưng đến thế kỷ thứ XIX, nó đổi chiều và thổi từ Tây sang Đông với sự thắng lợi của người da trắng. Trung Hoa suy tàn, người da trắng lại có dịp xâm xé nước này và đó là thời đại của những chiệp ước bất bình đẳng. Bà rước White một ngoại trưởng của Nga Hoàng có nói: Vấn đề đặt ra cho mỗi cường quốc là phải chiếm

được nhiều phần càng hay trong di sản của những đế quốc đồng phương nhất là của nước Trung Hoa khổng lồ. Vì những lý do địa lý và lịch sử, nước Nga có quyền được hưởng phần lớn nhất... Việc sát nhập một phần lớn Trung Quốc vào nước Nga chỉ là vấn đề thời gian (1)

Mặc dầu dưới ngọn cờ vô sản quốc tế, Staline đối với Đảng Cộng Sản Trung Hoa cũng không đặc biệt gì, nếu không muốn nói rằng Staline cũng là một thủ Nga Hoàng. Theo lệnh của Lénine, những đảng viên cộng sản Trung Hoa phải chịu sự điều khiển của Quốc Dân Đảng Trung Quốc do Tôn Dật Tiên lãnh đạo. Năm 1927, Staline đề nghị cho cuộc nổi dậy ở Thượng Hải bị đàn áp và « công xã Quảng Đông » bị thất bại.

Năm 1936 khi Tưởng Giới Thạch bị cộng sản Trung Hoa bắt, cũng lại chính Staline đã đích thân can thiệp để Tưởng Giới Thạch được phóng thích với lý do ông này là người duy nhất có thể lãnh đạo cuộc kháng Nhật.

Sau khi Nhật đầu hàng, Staline ủng hộ và viện trợ chính phủ Tưởng giới Thạch. Cao đến năm 1949 khi Cộng sản chiếm được lục địa, Staline không thể làm khác đã phải nhìn nhận chính phủ Mao Trạch Đông, cho chính quyền mới vay tiền nhưng đòi hỏi thành lập những công ty hỗn hợp khai thác hầm mỏ hàng không, và vẫn tiếp tục chiếm giữ các thiết lộ ở Mãn châu, quân cảng Lữ Thuận và Thương Cảng Đại Liên. Nghĩa là đối với Nga Sô, nước Trung Hoa mới cũng không hơn gì một nước bảo hộ.

Nhưng họ Mao vốn nuôi sẵn chí thoát khỏi sự kềm tỏa của phương Tây. Trung quốc nếu đốt được giai đoạn, có thể vượt Âu Châu về mặt cách mạng nếu kết hợp được tư tưởng Mác Lê với hành động cách mạng tại các nước hậu tiến, bán thực dân, bán phong kiến... Họ Mao có tham vọng lập nên

(1) Les Nouveaux Bolcheviks — René Dabernat.

một thứ cộng sản riêng của Trung Quốc.

Sau khi Staline chết được ít lâu — không phải vì sự vắng mặt của Staline mà vì đã hội đủ điều kiện — Trung Hoa bắt đầu biểu lộ sự cưỡng đối của họ một cách công khai. Bằng một văn kiện 25 điểm Mao Trạch Đông đã chối bỏ quan niệm chuyển hóa hòa bình, kêu gọi cách mạng, tố cáo sự can thiệp của Đảng Cộng Sản Nga Sô vào các nước anh em và coi thành động ấy như một hành động ái quốc mù quáng của cường quốc. Chính những văn kiện ấy đã được chuyển chở trong một chuyến xe lửa Bắc kinh—Mạc Tư Khoa, khi đến biên giới Nga Mông, thì Viên chức Nga khám thấy trong hành lý hành khách người Trung Hoa có tàng trữ một số tài liệu chống đối Nga Sô. Dĩ nhiên theo luật thì phải tịch thu những tài liệu ấy. Nhưng các người hành khách Trung Hoa đã chẳng chịu, họ phản ứng dữ dội, bắt giữ Trưởng xa người Nga phân phát tài liệu, đập phá, phóng uế ra xe các toa xe lửa...

Khi cuộc tranh chấp đó được hâm nóng tới một cường độ đáng kể, Trung Cộng bắt đầu đề cập tới vấn đề đòi đất. Năm 1963, tờ Nhân Dân Nhật Báo lên tiếng phủ nhận các hiệp ước bất bình đẳng đã ký kết trước đây với Nga Hoàng và dành quyền đòi lại đất: 1.540.000 thước vuông. Năm 1964, chính Mao Trạch Đông trả lời một cuộc phỏng vấn của Tạp chí Nhật bản Seikai Shoko đã kể ra những đất bị chiếm giữ và sát nhập bất hợp pháp ngoài Ngoại Mông còn có Lỗ-Mã-Ni, Đông-Đức, Ba-Lan, Phần Lan, các đảo Kou-riles và miền Bắc Nhật Bản. Rõ ràng là một lời kêu gọi nổi lên chống đế quốc Nga Sô.

Khrouchchev đã trả lời một cách trắng trợn: Mao Trạch Đông được coi như Hitler.

Cuộc tranh chấp cho thấy không phải là sự xung đột giữa hai hay một vài cá nhân lãnh đạo. Nó có quy mô của những cuộc tranh chấp giữa hai dân tộc và nó quyết liệt như một cuộc chiến tranh giữa hai dân tộc, mặc dầu cuộc chiến tranh

ấy chỉ diễn ra dưới những hình thức hòa bình.

Trong cuộc hỗn chiến ấy, ta thấy rõ mục tiêu của Trung Cộng là tranh đòi quyền lãnh đạo khối cộng sản cho đến nay vẫn nằm trong tay Nga Sô. Nhưng Trung Cộng không đòi hỏi một cách trực tiếp và đi từng giai đoạn.

Trước năm 1953, trong thế giới cộng sản có một sự chỉ huy thống nhất và một uy quyền lãnh đạo được nhìn nhận. Tất nhiên trọng tâm chỉ huy ấy là điện Cẩm Linh. Nhưng từ sau cái chết của Staline, thì nhiều xu hướng dị biệt đã xuất hiện đưa tới sự phân chia thành 2 phe một do Nga và một do Trung Cộng cầm đầu. Bối cảnh của cuộc tranh chấp ấy là vấn đề dân tộc.

Nước nào — dù cộng sản hay không cộng sản—cũng có ý chỉ muốn tự cường. Và con người trong nhu cầu giải quyết mọi vấn đề liên quan đến sự sống của mình hình như vẫn muốn và cần phải giải quyết trong một khuôn khổ xã hội phức hợp gọi là dân tộc. Các chủ nghĩa quốc tế từ xưa đến nay hăm hở gạt bỏ nhu cầu dân tộc ấy nhưng đều thất bại. Tinh thần liên đới giai cấp quốc tế chưa bao giờ thật sự thắng được tinh thần dân tộc. Đệ nhất quốc tế, đệ nhị quốc tế tan rã bởi vì lòng yền nước còn mạnh hơn lòng yêu giai cấp. Và sự kiện ấy vẫn còn chi phối, phong trào thợ thuyền thế kỷ XX. Thợ thuyền của các nước giàu mạnh ít ưa thích cách mạng, ở Nga Sô hay ở Mỹ Quốc cũng vậy. Nhưng thợ thuyền các nước nghèo đói, hay đúng hơn, những người nghèo đói, xu hướng cách mạng và trong hiện tượng này, những người Trung Hoa cộng sản, đã làm nổ hệ máy quốc tế lãnh đạo cộng sản của Tây Phương.

Không có cách giải thích nào khác ngoài cách nhìn nhận rằng những quan điểm của Karl Marx và Lénine theo đó tinh thần vị dân tộc chỉ là sản phẩm tư sản có lẽ sai lầm. Vô sản cách mạng một khi đã họp lại thành một đảng nhất trí, đã cướp được chính quyền và tổ chức thành một Nhà

Nước (vô sản) đã không thật sự thực hiện một chủ nghĩa quốc tế dựa trên cơ sở liên đới giai cấp và một nhân sinh quan đồng nhất.

Nga sô vẫn muốn duy trì Trung Cộng trong mối tương quan bất bình đẳng với mình, chẳng những về mặt tinh thần mà còn cả về mặt vật chất. Nga Sô không muốn đồng tâm với Trung Cộng để chống Mỹ mặc dầu Nga Sô có đủ khí giới và tiền của để làm chiến với Mỹ vì Nga Sô sợ bị Mỹ tiêu diệt.

Trung Cộng chống lại Nga Sô không phải vì Khrouchchev hay vì Nam Tư, Trung Cộng đã muốn thoát ly sự giám hộ lâu năm của điện Cẩm Linh, Trung Cộng muốn được quyền độc lập và quan niệm : Quan hệ giữa các đảng (cộng sản) anh em là bình đẳng, độc lập. Bất cứ người nào cũng không có quyền yêu cầu tất cả các đảng anh em tiếp nhận những luận điểm của một đảng nào, cũng không thể coi là đường lối chung của phong trào Cộng sản quốc tế.

Đòi hỏi như vậy, nhưng Mao Trạch Đông vẫn khôn khéo nhường cho Đảng Cộng sản Nga Sô giữ một ưu thế trong phong trào cộng sản quốc tế. Trong một bản Tuyên Ngôn năm 1957 tại Mạc Tư Khoa, chính Mao Trạch Đông đã đề nghị thay thế câu : «Mặt trận xã hội chủ nghĩa do Nga Sô và Trung Quốc lãnh đạo» bằng câu «Mặt trận xã hội chủ nghĩa mà Nga Sô điều khiển». Người Nga nhận định rằng sự nhún nhường của Mao chỉ có mục đích bắt Nga Sô phải đương đầu với Mỹ Quốc dưới sự thúc bách của Trung Cộng với sự đồng tình của nhiều đảng cộng sản khác. Nghĩa là Trung Cộng muốn mượn Nga Sô làm bức bình phong chắn gió Mỹ.

Nhưng Nga Sô đã không mắc mưu và mặc dầu Khrouchchev bị cắt chức, những người kế nghiệp ông ta cũng chẳng thay đổi đường lối cuộc gặp gỡ giữa Thủ Tướng Kosigin và Tổng Thống Johnson cũng chỉ là một cuộc gặp gỡ ở Camp David hay ở Vienne trước đây mà Trung Cộng không hết lời

công kích.

Sự xung đột Nga Hoa đã đặt ra một câu hỏi để những người cộng sản phải trả lời : « Có thể và có cần phải thực hiện cộng sản dân tộc hay không ? »

Trên lý luận tất cả mọi đảng cộng sản đều trả lời : không, kể cả cộng sản Nam Tư. Nhưng trong thực tế, bất cứ một đảng Cộng sản nào lên cầm quyền cũng dần dần đi vào con đường cộng sản dân tộc (communisme national). Và khi xu hướng ấy quá mạnh như ở Trung Cộng nó sẽ đưa tới việc phá vỡ huyền thoại quốc tế của Nga Sô. Nó cho thấy rõ sự khác biệt giữa hai xu hướng của cộng sản Nga. Một xu hướng theo tư tưởng cách mạng bình đẳng của Lénine và một xu hướng theo chủ nghĩa kinh tế diễn tiến (économisme évolutive) của Staline và Khrouchchev. Xã hội cộng sản ngày mai sẽ do những con người bác học sáng tạo những kỹ thuật sản xuất mới hay sẽ do những con người vô sản nghèo đói nổi loạn xây dựng ? Tương lai ấy được sửa soạn trong những phòng thí nghiệm hay trong những cơ quan chỉ huy của đảng cộng sản ?

Cách thức trả lời và sự trả lời của các đảng Cộng Sản và đặc biệt của Nga sô và Trung Cộng sẽ bổ túc cho hệ thống tư tưởng cộng sản những tư tưởng mới về vấn đề dân tộc để sau cùng những người cộng sản tương lai giải quyết mâu thuẫn của bản giữa Dân Tộc và Quốc Tế. Và công việc này cũng ăn nhịp với những nhận thức mới về giai cấp. Giai cấp vô sản có thực sự đồng chất không hay trong bản thân nó cũng có những mâu thuẫn sâu sắc ? Mà giai cấp vô sản là gì đã ? Ý thức giai cấp này được thành tựu và được giải thích ra sao ? Và khi nó nắm chính quyền, bộ máy nhà nước do nó lãnh đạo đáng coi là một khi cụ giải phóng giai cấp, giải phóng con người hay cũng chỉ là một bộ máy thư lại để cai trị như ở bất cứ một nước nào khác kể cả nước tư bản ?

NGUYỄN TRẦN KIỀM

*Nghĩ về Chiến-tranh và
Hòa - bình*

Trong những cố gắng ngày càng độc lập của mình các đảng cộng sản ngoài Nga Sô và Trung Cộng, Pháp, Ý, Nam Tư Ba Lan đang mang lại những giải đáp mới có thể làm cho tư tưởng cổ truyền Mác-Lê phải sửa đổi. Tự đó người ta sẽ tìm thấy diện mạo của Cộng Sản hậu bán thế kỷ XX.

TRẦN-THANH-HIỆP

MƯỜI bốn năm trước đây, khi chiến tranh Đông-dương I đang tiến dần đến đoạn kết, một người V.N quốc gia đã khắc khoải suy nghĩ chung quanh câu chuyện Quốc-gia, Cộng-sản, chiến tranh với hòa bình, và đã vì những vấn-đề khó khăn căn bản đó như những câu hỏi làm chết người mà thần Sphinx đã đặt ra trong huyền-thoại; người đó đã chết, — giống như trong huyền-thoại, — có lẽ vì đã không trả lời được hoàn toàn đúng như ý của Sphinx. Mười bốn năm sau, bây giờ đây, giữa những cuộc oanh-tạc đang leo thang lẫn lộn với những tiếng nói hòa bình của chiến tranh Đông-dương II (nói theo Bernard Fall), thì bên kia Thái-bình dương, một người Mỹ da đen, — mục sư M. Luther King, — đang hô hào cho một chiến dịch hòa bình; chiến dịch mang tên là « Mùa Hạ V.N » (Vietnam Summer).

Như thế là trải qua hơn hai mươi năm chiến tranh những vấn đề căn bản cũng như những khắc khoải trên lãnh thổ V.N vẫn còn nguyên vẹn, người V.N vẫn còn phải trở mình giữa chiến tranh và hòa bình, giữa những phong trào, những lời khuyên-bổ, những lý thuyết mơ hồ nhưng lại có thừa khả-năng gây tang tóc, môn mõi... Và, trong khung cảnh Việt-nam hiện

quan sinh lực ; và thắng lợi chỉ là một sức sống từ bên trong đi ra, một sức sống có đầy đủ ý-nghĩa, giá-trị, và sinh-lực nội-tại để thu hút-phục và hóa-giải lực-lượng đối diện.

Sinh lực đó đương nhiên là chính nghĩa, một thứ chính nghĩa không cần đến quá nhiều máy phóng thanh và cờ quạt để tuyên truyền. Và nói như thế tức là nói đến *chấn chỉnh*, tổ chức cao tiến bộ trong hàng ngũ ta ; với sự chấn chỉnh, tổ chức đó, thì cái « kỹ thuật cộng sản » mà nhiều người trong miền Nam vẫn nghi ngại có lẽ sẽ không còn đáng sợ bằng sự tan nát, thoái hóa và nô lệ của dân tộc.

Miền Nam có đồng minh, để đương đầu với những mối nguy tức thời, nhưng để giải-quyết thực sự và lâu dài cho hoàn-cảnh Việt-nam, thì chỉ có người V.N.mới làm được. Trong ý hướng đó, việc giải quyết cuộc chiến này có thể sẽ còn phải tùy thuộc chiến thuật, chiến lược của quốc tế, nhưng dù trong trường hợp nào thì chúng ta cũng phải chuẩn bị và xây dựng được một cơ cấu xã hội đầy đủ nội dung và sinh lực, để có thể không mất chủ động trước những biến chuyển mới.

Giữa tháng Bảy này, tháng 7 đã mang một ý nghĩa lịch sử đặc-biệt trên vùng Đông-Dương..., giữa lúc người V.N đã bắt đầu biết gọi lại ý niệm « đại đoàn kết » dân tộc như những ràng buộc đầu tiên của một chân trời mới, và giữa một nền chính trị thế giới ngày càng hiện hiện tính chất *đay thực*, người Việt cần suy nghĩ và hành động thích hợp, để cho mọi vấn đề và ý nghĩa cơ bản được phân định rõ rệt, để cho vận mệnh V.N. có thể tiếp tục khai triển & bên ngoài hẳn những giá trị rỗng rỗng đã làm suy tàn sinh lực Việt trong bao lâu nay.

NGUYỄN-TRẦN-KIỆM

VIÊN LINH

kẻ tân tông

Gửi Mai-Thảo và Phan-Lạc-Phúc.

1

Hôm nay tôi một kẻ tân tông
Gửi tới cuộc đời hơi thở mới
Mộng nào không thể hình dung
Trái tim có bao giờ biết muộn

Lúc mặt trời đã lặn
Hồn le lói mới lên

Lúc chuông trưa rộn rã
Ngực rung rinh một giọt sương trong

2

Sáng nay tôi trở về nhà
Thoáng thấy người nào lẩn trốn
Khe cửa dăm dăm cặp mắt đen
Đúng rồi tôi đã thấy
Tôi vừa vắng mặt ở nơi này

Lúc rạng đông tôi gặp vài nỗi nhớ
Lần quất tự đêm qua.

3

Khi tôi tư tưởng em
Trán xập xòe bóng tối
Vùng mặt trời lu
Đánh lặn tiếng gà chiều

Tình yêu mở một ngõ hoang
Vật vờ cơn gió thổi
Ngực hồng cắt trái tim
Thăm thẳm hơi thở kín

Tôi sống nơi này bằng ảo ảnh
Cuộc đời xa tít tựa trong gương.

4

Khi tôi tư tưởng em
Một mình tôi đã vắng
Thấy nhau trong đời riêng
Muốn nhìn đi đã chậm

Em có nghe mưa của một đời
Vẫn rào rạt khi ta nín lặng
Em có hay em giúp anh rơi
Thân quần quít trong lòng mộ ẩm.

5

Có khi nào em tự hỏi
Ngôi nhà hạnh phúc của anh

Có khi nào em muốn tới
Yên nghỉ tựa mùa đông

Anh hóa kiếp suốt thời gian trong vắt
Thu thân vào mộng tưởng cùng em

Ôi tự do hình phạt

Kiểm nhau ngoài hư không
Vĩnh viễn.

6

Một mối tình thất lạc
Ném vì sao dọc đường
Trái tim anh đã băng
Máu vùng trong thân thể

Dục vọng dưới làn da
Vũ trụ là anh bất toàn khổ não.

7

Hôm nay tôi trở về nhà
Nhìn thấy trên giường đôi gối mới
Em để tặng anh
Những đêm nằm với mộng
Hay giúp anh ngoài giấc hư sinh.

Anh giữ đầu anh trong bàn tay
Vỗ về niềm thao thức
Đôi mắt chong kiếm một chân trời

Trong mây đen chó chết
Đóng cửa tự khi nào

Em có nghe mưa của một đời
Vẫn rào rạt khi ta nín lặng.

8

Anh tặng em một nụ hôn ôi
Định gửi từ đêm qua lỡ muộn
Anh tặng em một giọt lệ khô
Lặn tự lúc một mình trong bóng tối
Của tàng cây dư luận xum xuê
Ăn náu những thần linh khốn kiếp

9

Những óc mòn trượt chân tư tưởng
Hòn sỏi đen đánh cuội suy tư
Những tim cảm ú ở nhịp đời
Ì ạch đập trong chuồng cảm hấp.

10

Tôi nhớ hôm qua
Có người gõ cửa
Ngó mặt nhau không thấy nụ cười
Ngoài một lời xin lỗi,

Tôi nhận làm gì lầm lộn ấy
Tối ngày tôi bị lộn không thôi.

Hôm nay người gõ lăm trở lại
Hỏi đúng tên tôi báo một tin mừng
Tôi đã sẵn sàng từ quá khứ
Nhưng cuộc đời báo trượt thường xuyên

Tới nơi hẹn giờ của mình đã chậm.

11

Số phận tôi xung khắc
Tôi kháng cự hoài công
Có lạ gì nếu vòng giấy thắt cổ
Treo tôi trên một nhánh cây cong

Một chỉ tôi là dư luận

Không phải nắm đất nào
Song chính thân tôi nằm ở đó
Chính trong tôi có trái tim tôi

Tôi sống một mùa hoan lạc ngắn
Những mùa kia tằm tã đau thương.

12

Hôm nay tôi trở về nhà
Kể trộm đã vào vợ vết sạch
Chiếc khóa riêng có người đã biết
Tôi chỉ còn lớp bụi lem nhem

Đúng rồi tôi đã thấy
Tôi phải bỏ nơi này
Xây dựng từ đây nơi ở mới.

13

Khi tôi tư tưởng em
Trán xập xòe bóng tối
Lúc sơ sinh ai chọn hân vũ nào
Ba mươi tuổi khẳng' khẳng' đời hạnh phúc.

Đưa tôi về trần thế

1

Hôm nay trong hơi gió
Tôi thở hạt mưa xa
Trái tim nhịp nhàng đập
Nỗi buồn nào vật vờ

Tôi ra ngoài trời khuya
Nghiêng đầu nhìn lối vắng
Ánh đèn le lói đàng xa
Một chiếc xe lăn chậm

Cuộc hành trình sẽ đến
Đưa tôi gặp lại em
Ngó nhau như hình ảnh
Lật lưng ghi tháng ngày

Cất vào trong góc kín
Của kỷ niệm dần phai.

2

Tôi nghe trong đêm thâu

Tiếng đại dương quá cổ
Hồn tôi đỉnh núi cao
Một sinh thời bản bật

Cuộc sống của tôi là
Chảy hoài giòng nước, kin
Bằng bằng suốt thời gian
Một thủy triều tuyệt vọng

Tôi tấp vào tương lai
Như xác đời chết đuối

Em vớt tôi ngang một cây cầu
Giúp tôi thở bằng ngực em cấp cứu.

Cuộc sống của tôi là
Vết hải lưu màu đỏ
Vết ngang nền biển đen
Một mạch máu pháp phồng
Trong hăm da thịt tôi.

Tôi nghe trong đêm thâu
Tiếng chân bi bõm lội
Người trầm mình giữa sông
Cõi đời nay hấp hối

Ngó nhau trong âm ti
Thấy nhau trên trần thế

Em đón tôi trong cuộc hẹn hò
Giúp tôi thấy mỗi tình đã hết.

3

Mưa hồi hã lệ trần
Mất trong veo hạnh phúc.

4

Mùa này tôi ít ngủ
Đêm nhớ những năm qua

Một mình nghe gió thổi
Năm nghiêng ôm mộng kẻ

Mối sầu như khối nước
Hoen âm dáng trời thơ
Tôi sù sì diện mạo
Niềm vui như rượu pha

Uống hai giòng nước cốt
Tim kháng cự quanh co.

5

Mặt trời tôi khởi sự
Lăn tròn mỗi rặng đông
Tôi mùa mưa mỗi một
Chân hòa lệ dưới chân.

Nếu em không tới nữa
Tro của những thời gian
Mọc thành cỏ thụ xám
Treo cổ ngày tháng năm

Vũ trụ tôi giải nghĩa
Sự lẫn vòng quanh em.

6

Khi tim tôi đông băng
Thì thể trong ván khép
Di chúc như cỏ hoang
Bay là là mặt đất

Khi thân tôi đông băng
 Từ chỉ như củi lép
 Đứng xững trong thời gian
 Hình người làm mẫu chết

Và chim chóc lững lờ
 Đinh cứng trời bất động
 Như trần nhà đóng đanh

Vũ trụ tôi giải nghĩa
 Sự im lìm trong tranh.

7

Tôi đi dưới trời mưa
 Nghe rào rào nổi nhớ
 Trong thính không ẩm mù
 Diệu đàn nào nức nở

Khuôn mặt em tối tăm
 Mối giận hờn lạnh lẽo

Ai soi tôi ánh sáng đèn đường
 Thấp thoáng những ngày lạc lối

Kinh thành ca
 Chiều xuống ngu ngơ đời hốt hoảng
 Về ôm mộng dữ gieo thân đau.

8

Cuộc sống của tôi là
 Tắm thân khô nhuộm muối
 Nước mặn trong bàn tay

Sống làm người dễ lỡ
 Những đêm chong đèn quên
 Ngủ thịt da ôi hõn chợ chiều nắng gắt

Mở tim nhìn máu cá lạnh tanh.

9

Cuộc sống của tôi là
 Khung bố tám thần riêng
 Làm người thuyền trưởng chột
 Đánh tàu trong cơn giông

Nắm cổ niềm vui giót đầy ngực bẹp
Đập đầu trong khoang nòn

Hy vọng khăng khăng giác quan bão táp
Ném neo trong bình yên
Của tình yêu dịp cuối cùng

Đưa tôi về trần thế.

10

Tôi đã chết tôi đã chết
Chiều hồn ca :
Những dị hình thân thuộc

Chúng ta những lần gặp nhau không hỏi
Biết thấu tâm hồn trong góc kín

Tôi đã chết tôi đã chết
Chiều hồn ca :
Ai đi ngoài cửa sổ
Thêm cuộc đời bên trong

Chúng ta những kẻ lưu đây mình

Trong mỗi tình keo dán
Lấp liếm đường rạn quanh

Tôi đã chết tôi đã chết
Vừa kịp để hoàn sinh

Tìm thấy mình không có tuổi
Vô tri như thời gian

11

Diễm

12

Em yêu dấu.

VIÊN-LINH

KIỆT TẤN

Bây giờ, em ở đây

K H I biết rằng bụng mình không thể vượt khỏi, em tụt trở vô, ngồi bệt xuống bậc thang cuối cùng và bắt đầu khóc thút thít. Nỗi tuyệt vọng đè nặng tay chân em bải hoải. Bây giờ biết làm sao đây ? Em lầm bầm tên mình, cơn nấc nhấp nhô trong ngực, sao bụng mình lớn thế này. Em ngồi yên như vậy, không buồn giữ nín mình làm gì. Như vậy, không biết được bao lâu.

Đã người người, em nghĩ dù sao đi nữa... Và em vịn miệng hằm đừng dậy : đầu, cổ, hai vai, em rút hai tay lên, đến ngực, xuống dưới ngực một chút, rồi thôi, ngang ở đó. Em không muốn cố gắng vô ích một lần nữa. Trong vùng mây giăng mặt trời tròn soe đỏ lử. Cách miệng hằm một quãng, con đường mòn khởi sự bò vào cách đồng cỏ rồi mãi miết chạy về phía các khối chóp xám gầy cạnh trên nền trời ửng đỏ. Cây công sừng sững bên đường mòn, cành lá um tùm che tiếng riu rít bên trong. Gió đâm ầm quã lại cánh đồng cỏ. Em tỳ tay trên miệng sắt lạnh lẽo. Mặt trời xuống rất mau, có lẽ đã bảy giờ hay hơn một chút. Các cụm mây thay đổi hoài hình dạng. Em cảm thấy mỗi chân có lẽ mình cũng nên đi xuống cho rồi. Các bậc xi măng nhỏ hẹp nhám nhúa làm đau bàn chân. Phải biết

VĂN ĐỀ 4

ước cần thận mới được. Bụng em sao nặng nề ! mà cầu thang lại thăm thăm.

Căn phòng vẫn được thấp sáng. Một cánh cửa sơn hồng mở vào buồng ngủ. Làm gì đây ? Em đi một vòng quan sát lại các bức tường trắng xỉ măng sần sùi không sơn. Bm sờ sờ soạng soạng, không chừng có một nút bấm cũng nên. Biết đâu ? Lúc ấy từ buồng ngủ chạy ra em hết hoảng nên không xem xét kỹ, gặp cánh cửa đầu tiên, mở ra và leo lên cầu thang. Khi miệng hằm mắc lại ở giữa người em mới hay rằng bụng mình quá lớn. Em lần tới bức màn dày có sọc ngang vàng xanh từ trần rủ xuống. Em vén nó sang bên. Một cánh cửa ! Em giật mình hồi hộp. Sau cánh cửa ? Em nắm quả đấm xoay nhẹ nhẹ, không có phản ứng gì. Em kéo ra, cố sức, không được. Thất vọng. Ngẫm nghĩ, Em lại nắm quả đấm xoay một vòng và từ từ đẩy vào, cánh cửa hé mở, không một tiếng động. Nhìn thấy đầu tiên là một chiếc tủ kệ treo giữa chừng trên tường. Em bước vào. Bên phải là chiếc bếp, một bể nhôm bên trên có vòi nước. Trong cùng, một cánh cửa khác, em mở vào buồng tắm, vòi nước phun gần trút xuống bể ngâm mình trắng men xanh mát. Đôi dép trắng đặt sẵn ở đó, cỡ to hơn chân em một chút. Em mân mê chiếc khăn lông sọc nhiều màu trong tay chợt nhớ cảm giác ngoài bãi biển. Đặt buồng tắm ở đây thật là thất kiêu, em nghĩ bụng, nhưng nó đã có đó rồi, em khép cửa bước trở ra.

Em mở tủ kệ. Ngăn dưới, một dây trứng, cá hộp, miếng thịt bò tươi, con dao xắt, ngăn trên, bắp cải, chai lọ. Không biết mình đã ăn gì chưa nhưng không thấy đói. Chiếc bàn hình chữ nhật trải khăn ô vuông, duy nhất một chiếc ghế

có lưng dựa. Không có gì đáng chú ý, em trở ra buồng lớn và kéo màn lại như cũ. Chiếc bàn bọc da, em gọi là bàn viết vì trên đó có cắm một cây bút cán dài bằng sừng đen. Tấm bình phong ngăn hờ bên kia bộ sa lông đỏ thẫm gồm một bàn thấp, một ghế dài đối diện hai ghế rời, để tiếp khách. Tiếp khách! Chiếc lọ trên bàn có vẽ nhiều hoa sặc sỡ nhưng không cắm hoa. Sát tường kê một chiếc tủ thấp. Tất cả có đó, từ bao giờ, không mới mọc, không dừng, không giả tạo, không tự nhiên. Em có thể đập vỡ nó. Mỗi liên quan sẽ được tạo nên, độc nhất mà vĩnh viễn giữa em và nó. Em ngắm nghía, nó làm em nghĩ đến những bóng hồng thực hồng có thể em sẽ cắm vào. Cũng là một thứ liên quan em-loạ-hoa, một cách nào đó. Em chợt cảm thấy quanh mình sệt cứng những giao thoa giữa các vùng ảnh hưởng chủ động và thụ động. Em và sự vật. Nhưng làm sao biết được mình chủ động đến mức nào. Phát huy ra động tác nào hẳn đã là chủ động. Em đặt chiếc lọ lên đầu tủ và trở về buồng ngủ của mình. Về khởi điểm.

Lúc này hình như nó không có do, nhưng duy giờ nó đã có đó, ly sữa bốc khói và màu bánh mì trên chiếc tủ nhỏ đặt ở đầu giường. Em e dè bước tới, mắt không rời ly sữa sợ nó mọc cánh và bay đi. Với em, bây giờ, mọi việc đều có thể xảy đến. Em đưa tay sờ nhẹ ly sữa, nóng thật. Em ghé nghếch ngồi lên giường, và cứ thế lẩn ngẩn... Em thoát hàng hoàng sờ lên mặt mũi tai môi mắt, không biết chúng đã có biến dạng gì chưa, em nhìn quanh phòng, không có gương soi, em trở ra buồng lớn, cũng không có, bàn tay vẫn sờ mằm trên mặt mũi, em vội vã chạy vào buồng tắm, cũng

không có nốt, thật là vô lý! Em mở nước, may ra có thể nhìn thấy mình dưới đáy bồn tắm. Chiếc vòi phát ra tiếng khô khô, em chờ đợi, nhưng không thấy nước chảy đâu cả. Em thua buồm trở về buồng ngủ của mình — của mình? — Em cảm ị sữa lên, trên vách ly mặt em dài một cách lố bịch, mắt mũi cũng chỉ là những vết dài, như mặt sấp bị chảy ra. Em soi trên mặt sữa trong ly, tay em run gậy thành những con sóng nhỏ dồn dập. Vô ích! Không bao giờ tìm thấy được mình. Không bao giờ.

Em xé nhỏ bánh mì và bắt đầu nhắm nháp chút ít với sữa.

Nghĩ thật buồn cười. Chợt bừng tỉnh thấy mình nằm trong buồng này với tất cả giường ngủ bàn ghế tủ, chai lọ và một miệng hàm chặt hẹp. Ai mang bỏ em vào đây? vì oán thù, để trừng trị — tội gì, — để thách thức, vì quá lo cho hạnh phúc của em hay của ai khác? Còn chàng, ai? Đứa nhỏ trong người, ý nghĩ về thân thể làm em xấu hổ. Em cố nhớ lại, buổi sáng đó, đầu có gì, hần hay gãi kia? không không, không can ị gì. Có thể tàn nhẫn với em thế sao? Bây giờ em chịu hết tất cả. Và những ngày sẽ tới... Thôi thôi đừng nghĩ nữa. Miếng bánh mì không trôi qua cuống họng. Em cần lấy lược nhìn xem có nằm mê không. — Không.

Em mở chiếc tủ lớn trong buồng ngủ. Một bên là dãy ngăn kéo để trống, chỉ có mỗi một ngăn đựng sếp vải trắng và kim chỉ, một bên mắc những chiếc áo dài, ngắn, chiếc nào cũng rộng thùng thình. Áo em đang mặc cũng thế, nền trắng sọc xuôi màu hồng nhạt. Có cả mấy chiếc cà vạt rất đẹp treo ở đó, sự hòa hợp màu sắc ở chúng cũng an ủi em được phần nào. Em nghĩ nếu đúng là... thì chắc không đến đời tẻ. Em khóa cửa buồng lại cẩn thận, thật là khỏi hải và mâu thuẫn trong hoàn cảnh này. Em tắt đèn và lên giường nằm. Bụng em rất đói linh kinh, hơi ế ẩm ở ngực. Bông tối đêm nay mang đầy đủ sức dầy đặc và bí mật của nó. Nếu biết kinh có để em đã cầu nguyện. Em cố gắng lôi trí tưởng tượng về

những vùng an toàn. Ngày xưa có một nàng công chúa ngủ say trong rừng... không, ngủ say trong một căn hầm, rồi vào buổi sáng mùa xuân tươi thắm nọ, một chàng hoàng tử đẹp trai, đến quý bên giường nàng và hôn lên bàn tay... Bàn tay của em, phải rồi của em, em...

Thức giấc nghe thấp thoáng tiếng róc rách bên ngoài. Tối đen. Em lo lắng nằm im. Bây giờ là nửa đêm? Rõ ràng tiếng nước chảy, nước ở đâu chảy vào giờ này? Em bật đèn. Em bước nhẹ đến áp tai vào cửa. Cũng chỉ róc rách. Em e dè buồng mình. Tiếng động rõ hơn phát ra từ chỗ dẫn lên cầu thang, nước theo khe cửa ở đó chảy vào. Em mở cửa cầu thang, chóa lóa ánh sáng rồi phụt tắt. Rào rào, gầm gừ bên trên. Trời đang mưa, đúng rồi, miệng hầm chưa đóng. Em leo lên cầu thang, chân dẫm nước lạnh ngắt, ánh sáng xanh vụt bùng vụt tắt, tiếng động lớn dần và hỗn độn. Những bậc thang lên mãi, không bao giờ hết. Tay chân em trắng xanh trong cơn chớp loáng. Em dừng lại nghỉ mệt. Thật là bất hạnh cho em. Ngực dồn dập hơi thở, em lại tiếp tục. Gió lùa ù ù, nước bắt đầu bắt lấm tẩm trên mặt mũi. Miệng hầm tròn một cách kỳ quặc và thô bạo với em. Trời ra ngoài, cơn mưa dội nghe lớn hẳn. Cây công đen ngòm trong vùng hào quang bất chợt, và mỗi lần, con đường mòn vẹt chạy cuồn cuộn về những khối đen lăm lăm ở tít chân trời. Gió quất nước vào mặt rất lạnh. Giây phút này, bên ngoài không mây may hấp dẫn em một chút nào. Em vờ lấy nắp hầm nằm bật trên mặt đất, vội vã tụt xuống, và đóng sập lại trên đầu.

Bóng tối trở về đầy đặc trong lòng cầu thang. Em đứng

lò một chập, ngao ngán, mệt mỏi, run lạnh. Từ trong em vùng lên một nỗi oán hận và giận dữ vô thừa nhận. Tay chân này, bụng ngực này, tóc tai này, thực là vô bổ, rướm rã, phiền oái. Em lần vách dò dẫm bước từng bước xuống. Ngã chắc chết, sẽ chết hết. Chân mặt trước, chân trái sau, rồi lại chân mặt. Nếu dẫm phải vật gì mềm? Em rung mình. Em cố gắng đi xuống nhanh hơn, tay không rời mặt vách. Rồi chạm phải gì mềm? Em cảm thấy nhột ở khắp bàn tay bàn chân. Mặt xi măng vẫn nhám làm em yên bụng, không còn thấy đau như ban chiều.

Em vội đóng cửa lại, chạy vội về buồng mình, nhà giam trong một nhà giam. Cơn lạnh thấm vào da thịt lây đầy. Sao đêm giam hãm em ở đây, thật là phi lý! Ai đã vứt em vào đây? ai? thật là phi lý! nghe không? Em bật khóc, hai tay bưng mặt. Nước trên tóc chảy ròng ròng xuống mặt mũi. Không, hãy thả tôi ra, tôi không còn muốn ở lại đây một phút nào nữa hết, hãy thả tôi ra!... Thét lớn.

Em choàng tỉnh cơn mê. Khát nước. Tay còn bấu chặt lấy chân. Cơn mộng hưng bạo còn bám trong đầu, tiếng nói phát ra từ bụng em lúc ấy bây giờ còn mơ hồ âm hưởng. Bụng em bị đập vỡ nát, lời nguyện rửa của đứa bé và tiếng gùi sắc sủa. Em sờ lại bụng mình, vẫn còn nguyên vẹn với chút động đập rất khẽ bên trong. Minh mẫn em nóng hầm hập, choáng váng. Hình như lại có tiếng nước chảy. Có lý nào. Em phát điên mất.

Nhưng lần này thì bên phía nhà bếp. Không phải ở nhà bếp mà là trong buồng tắm. Chiếc vòi em mở bỏ quên từ hôm qua (?) bây giờ đã có nước chảy. Em nếm thử rồi ghé miệng

vào uống cho đỡ cơn khát. Em trở ra nhà bếp, đã thấy đã Em mở tủ kệ, lại có thêm nồi súp cháo và các vật dụng khác. Em nhóm bếp và chiên cho mình hai quả trứng. Khi rửa chén nhìn nước rút vào lỗ đen ngòm ở đáy bể nhôm, em tự hỏi chúng thoát ra bằng ngã nào. Trở về buồng đã thấy ly sữa nóng ở đó. Em cầm lên uống, không bận tâm. Không có gì để giải thích, không sao giải thích được, mọi sự giải thích đều đến sau, trong một khuôn khổ giản lược có những tiêu chuẩn không được giải thích, để làm an lòng, để được dễ dàng chấp nhận. Em tập cho mình chấp nhận sự vật đơn thuần như vậy, nó cũng không cần được chấp nhận để có đó. Ly sữa em đang uống đây. Không đồng lõa hay bằng lòng. Bởi không thể phủ nhận được gì cả. Ngày hôm qua em sợ hãi, ngày hôm nay em không sợ hãi nhưng ngày hôm nay em không thể phủ nhận ngày hôm qua. Nó đã qua.

Em đến ngồi ở bàn viết. Em thêm viết, không biết sẽ viết gì. Em chấm mực. Bày tỏ những cảm nghĩ thành thật nhất của mình? Như vậy chắc em có rất nhiều điều để ghi ra. Em vẫn còn băn khoăn. Sẽ viết nhật ký cho mình? Em lại chấm mực. Không, em sẽ viết một lá thư, chẳng hạn gửi cho người yêu không biết mặt mà sự hiện diện đang còn trong em. Sẽ bắt đầu như thế này: « Anh yêu dấu. Bây giờ, em ở đây... ». Anh sẽ không bao giờ hiểu được đâu anh, anh sẽ không bao giờ cảm được như em khi đọc thư này đâu anh. Chóng mặt, mình nóng bầm hập, cơn sốt, có lẽ của trận mưa đêm qua. Em lại chấm mực, viết: hôm nay là ngày thứ ba trong căn phòng này. Em chấm bút lại chỗ cũ.

Em đứng dậy. Lần đầu tiên sự nhớ sự hiện diện của chiếc tủ thấp trong phòng khách. Em mở ra: một cái máy hát và rất nhiều đĩa. Mừng vô kể. Em soạn sơ qua, chọn một đĩa dương cầm, đặt lên máy hát và cho chạy. Em đến soi mình trên ghế dài của phòng khách và nằm im chờ đợi. Nhựa

gọt dương cầm bắt đầu nhỏ xuống trong lòng, trong mạch máu, trong hồi tưởng, niềm an ủi vô biên. Hòa tan thân thể mình trong cơn xao động dịu dàng của âm thanh, dịu dặt vào nắng mưa thời tiết nào đã hồi hộp trên thịt da bây giờ hồi sinh lại...

cầm tay chạy chân chim qua đồng cỏ ngủ quên trên dốc đồi tỉnh dậy quên hết giận hờn buồn tủi

mưa không người nắng không người cảnh là biển trở về mình mùa xuân biệt tích sao mùa thu nay trở về chín vàng trái hoang

đi trên vĩa hè bên này đứng trên vĩa hè bên kia con đường một chiều thời gian xuôi thuyền trên đó con bạch tuột bây giờ đã vỡ hết ống hơi tay chân thừa thãi trả lại ngọn đá ngầm đứng lặng thỉnh chiều sâu biển muộn

cầm tay thật chắc chạy thật nhanh xuống triển đồi băng qua đồng cỏ qua vĩa hè qua dòng sông nghe con cá quẫy nước ngủ quên trong vòng tay bên vườn bông hồng tỉnh dậy quên hết giận hờn buồn tủi mưa không người nắng không người...

Không phải chỉ có một con đường mòn mà còn hai đường mòn khác nữa. Một con trái đá đỏ, hai bên cỏ mọc khá cao, cây gì không biết đứng ở đó, trụi hết lá. Nhưng không trụi hoàn toàn, trên cành cao, chim làm tổ. Có lẽ đang thời kỳ ấp trứng con chim đực bay đi kiếm mồi tha về. Nghĩ tủi thân em. Mùa này mùa gì mà sao cây không còn lá. Nhưng cây còn vẫn rậm rạp, làm em nhớ trường học, lâu rồi. Con chim làm tổ trong tán cây có phải kín hơn không? mong đợi gì ở một cây đang chết? Em mong mỗi

đúng hơn. Con chim làm tổ là con chim làm tổ, cây đang chết là cây đang chết. Sau khi sinh nở em sẽ ra khỏi nơi này, nhất định như vậy rồi. Nhưng chốc nữa em lại phải trở xuống.

Con đường thứ ba thẳng trơn, không có gì lôi cuốn chú ý. Đàng xa, khá xa, nhấp nhô xanh, em nghĩ là đồng lúa. Có lẽ chắc có dân cư. Có lẽ chưa tới mùa gặt. Em sẽ bồng con lặn mò theo lối này, linh tính của em ngã theo hướng đó. Nhờ cuối đường không có nhà cửa của ai? Em sẽ trở lại, đủ can đảm không? Mà sao không đi theo lối mòn có cây còng, dù không thấy gì sau khúc quanh, nhưng biết đâu. Những gì im ẩn trong các khối xám xa tít kia, không đủ thu hút em sao. Phải chăng sự héo khô của cây nọ làm em chần chừ. Tổ chim như một khích lệ. Ra khỏi nơi này, nhất định như vậy rồi, nhưng phải sinh nở đã.

Quyền sách nói về thời kỳ thai nghén của người đàn bà, xấp xỉ có hoa, cây kéo lớn, cây kéo nhỏ, các ống chỉ đủ màu hộp kim may đủ cỡ... những món sau mỗi lần thức dậy thấy có trong các ngăn tủ ở buồng ngủ làm em nghĩ đến những xuất hiện âm thầm, trong đêm. Em buộc một đầu dây ở cổ tay, đầu kia buộc vào tay cầm cửa cửa tủ, chỉ cần động tới là em biết ngay. Dụng ý gì khi đặt vào ngăn kéo em những thứ đó. Em lên nằm trên giường và tắt đèn. Bóng đêm vụt nở lo âu. Nhờ không phải là người đến vương vào đây thì sao. Những bộ mặt kinh dị lũ lượt chạy qua đầu, rờn rợn. Em không còn tha thiết với việc tìm biết nữa. Em cố nghĩ đến chàng hoàng tử với con ngựa trắng... Mòn mỏi... Đêm... sâu... hiu... vắng... Em giết bản người bởi những chấn động liên tiếp trên đây. Em nghe tim đập thình thịch. Chờ đợi, một bàn tay trần

giữ trên bụng. Em bật đèn. Không có ai, cửa tủ mở toang. Em bước khỏi giường, e dè nhìn vào tủ: nhiều cuộn len màu. Chỉ thế thôi? vẫn chỉ một mình em? Đột nhiên nổi thất vọng. Có lẽ âm ỉ đã từ lâu, bất thần trào lên làm em bật khóc. Và choáng tỉnh. Bóng đêm vẫn dày và im lìm. Động rất khẽ, như gió thoảng qua đây. Cánh tay đã tụt ra khỏi giường, lơ lửng. Em bật đèn bước xuống. Chiếc tủ vẫn giữ bộ mặt cố định thường trực của nó. Em mở cửa, hy vọng, nao nức: lại vẫn mấy cuộn len đó, màu sặc sỡ. Em cầm một cuộn len trong tay, ngồi lại trên giường và bắt đầu khóc thút thít. Em ú ớ tỉnh dậy. Đêm không ngọt đặc sệt và im lìm. Sợ dây động dây. Em bật...

Tiếng mõ lều xèo trên chảo thật quen thuộc và nhàm chán. Cuộc sống thu hẹp vào những lần lên thò đầu ở miệng hầm, mơ tưởng, rồi tụt xuống, rồi đi ngủ, thức dậy, tắm rửa, đôi bụng, làm cơm, kê cọ, đi ngủ, sờ bụng, chờ đợi, mong ngóng. Thời gian đi qua không ngó lại, mang theo sự tàn phá, hàn gấm, xóa nhòa, và vĩa, đồ vỡ. Từng ngày từng giờ ăn uống trong xương tủy, da chân. Em muốn chết. Còn mầm sống trong bụng? nó đâu đòi hỏi được tạo nên. Nhưng có thể gào đòi hỏi trước khi được tạo nên? Sự đòi hỏi chỉ đến sau khi đã có, sau rất lâu, khi đã đến một độ ý thức nào đó. Nhưng em có quyền hủy diệt nó đi không? hay nó có quyền không cho em hủy diệt nó? Quyền hay không là phải nhân danh một cái gì đó, nhưng sao có quyền nhân danh như vậy? Quyền là quái quỷ gì? Làm hay không làm, muốn hay không muốn, có thể muốn và làm, không muốn và không làm, hay muốn mà không làm, làm mà không muốn, làm và được hay làm

mà không được, thế thôi. Nghĩ cũng có thể không giản dị như vậy, nhưng đó không phải là vấn đề của lúc đang làm. Nếu có, cũng chỉ đến sau. Nhưng bây giờ em chỉ muốn chết, đơn giản thế đó. Không thiết sống nữa.

Nước lại rút đi ở đây bề nhô, không biết chúng thoát ra bằng ngã nào. Em xếp các vật dụng vào tủ kệ. Ra ngoài (!) thay đổi không khí một chút. Nắng dịu dàng, gió mát, trời cao. Tổ chim bây giờ có thêm tiếng chim chirp thật vô tội. Con của em, nó sẽ ra đời. Mẹ và con sẽ ra ngoài, như gia đình chim kia, phải không con, mẹ con mình sẽ ra khỏi nơi này, tha hồ bay nhảy. Sẽ thay đổi được đời sống, thân phận. Có thể nào rồi ngoài kia chẳng qua cũng chỉ là khuôn khổ của gian phòng em đang ở được phóng đại lên, với những giới hạn, âu lo, hy vọng, chân ngán, những đam mê, những xao động đời thay kích thước. Nhưng thôi, nghĩ đến những điều mà trong đó mình bất lực làm gì. Dẫu sao...

Em ở trong căn buồng này, mà bên ngoài thời gian đã mài miết trôi đi. Mùa này thân cây khô lúc trước bây giờ đã trở chim ra lá. Mùa tiết, thời khắc, em liên nghĩ đến những tiếp xúc, ăn mòn âm thầm, lẫn lộn, không thể chống kháng... không không, thời khắc bên ngoài chỉ để đánh dấu một cái gì tự nó không thể có trước, đơn độc, lẻ loi, sừng sững. Em bàng hoàng thấy thời gian đã cư ngụ từ bao giờ trong mình, theo nhịp máu chảy, sát lên từng tế bào, trong hơi thở, trong tim đập, nó là thứ nhiên liệu mang theo mình, cháy với sự sống và tất cùng nổi chết. Mình tự hủy hoại cùng với thời gian của mình trong dòng thời khắc bên ngoài đánh dấu. Một hạt giống trong một khu rừng hoang nào ai biết, nảy mầm, mọc thành cây non, lớn lên, già nua, rụng lá, khô nhựa, rế quắp co, thối rữa...

Em đây nấp hầm lại cẩn thận, nhớ tối nay trời mưa,

Thật là oi bức. Em bước chân vào bồn tắm, mát lạnh. Em vốc nước xoa lên mình mây, ngửa mặt nhắm mắt nhận lấy sự thoải mái xâm nhập vào cơ thể mình. Em trầm mình hẳn trong bể ngâm, tay chân lờ lững. Bên ngoài chắc đang nắng dữ. Bụng em trương lên khối mặt nước lấp xấp, em liên nhớ đến những con cá bất động nằm ngửa lều lều cạnh bờ, nhắm mắt, thủ tướng mình đang dật dờ theo con nước, tay chân bạch tuộc vờ hết ống hơi bập bềnh, những nhịp sóng nhấp nhô bình thản, bụng phình lên rất trướng, nắng rất đẹp, còn nghe sóng vỗ thăm thì, như tiếng ru, như một lời tình tự. Ghềnh đá nào không còn nhớ nổi. Và những đồ vật lãnh du theo thủy triều và những dân cư của biển. Em sẽ nằm yên như thế, không còn biết mình sống hay chết. Cũng không cần biết.

Em sắp ngủ quên. Em mở mắt, ánh sáng có màu xanh lục rất nhợt. Một điều kỳ lạ em vừa khám phá ra là xung quanh với nước phun có lần viền đen hình khung cửa. Sao em có thể vô tâm đến thế, nếu nó đã có đó từ lâu. Em đứng dậy, ăn nhẹ nhẹ ở một góc. Chuyển động. Xô hẳn, là cánh cửa thật. Không phải vui mừng, mà là dờ dẩn. Em rá khỏi bồn tắm, bước qua cửa. Bên trái không có lối đi, trước mặt là bức vách khác bằng đá xanh, em tò mò lần theo lối bên mặt, để đi, tuy rẽ nhiều lần, sáng xanh nhợt. Tới khoảng sáng hơn em chợt hay mình đang trần truồng. Em định trở lại mặc quần áo, nhưng nghĩ ở đây còn có ai... Em ngoác trái ngoác phải không biết bao nhiêu lần, cho tới lúc không còn đi tới được nữa. Ở đó chấm dứt bởi một bức vách đá xanh có những ống sắt cắm vào, có lẽ là ống nước từ nhà bếp hay nhà tắm dẫn ra.

Em mò mẫm bụng mình, có lẽ chỉ còn mẹ với con thôi nghe con. Em muốn toan tính thật nhiều nhưng đầu óc rỗng tuếch. Thôi để xuống đan nốt chiếc áo cho con mình.

Các bậc xuống dường như cũng đã thu hẹp, lơ mơ trong thứ ánh sáng cũng thu hẹp. Rêu lạnh dưới bàn chân, có lẽ vì nước len vào và đọng lại sau các cơn mưa. Em rùn mình. Phải đan cho con một chiếc áo len mới được. Coi còn mẹ con mình và gian buồng này, ngoài ra không có gì, không có miếng hầm, không có chàng, không có người yêu, không có hoàng tử, không có giấc ngủ trăm năm, không có chiếc hôn giải thoát. Phải rồi, tại sao nghĩ rằng ai đã mang giam hãm em nơi đây, tại sao nghĩ rằng em bị đẩy tàn tạ nơi đây, tại sao nghĩ rằng em từ một nơi khác bị ném vào đây, sao nghĩ rằng em phải thoát khỏi nơi đây? Em không thể nào mở mắt nơi đây, và như vậy đó, sống trong gian buồng này, ăn uống sinh con đẻ cái và mỗi ngày mỗi già đi thêm một chút... Có gì mà tuyệt vọng có gì mà hy vọng?

Em dừng lại giữa cầu thang, chợt nhớ chưa đan nắp hầm, nhớ trời mưa, lại thêm rêu thế này. Em dò dẫm leo trở lên, nặng trĩu nhọc nhằn. Em bước thật cẩn thận, không có hoàng tử đẹp trai nào đâu. Lúc nào leo lên em cũng thấy thăm thẳm. Sao mà tối mọ. Em cứ từng bậc bước lên, như vậy, không biết được bao lâu, cho tới lúc đầu em va mạnh bên trên đau điếng. Em lui xuống một bậc và đưa tay sờ soạng phía trên đầu. Mặt phẳng nhám nhúa, không có dấu vết gì của miếng hầm. Chắc không có miếng hầm, cũng không có ai giam hãm em. Em ngồi xuống bậc thang thở dốc một hồi cho đỡ mệt. Em nhớ tới cái áo len còn đan dở. Em đứng dậy. Đầu em bỗng nhiên chói sáng vàng — và trong một thoáng nhanh vô cùng — em chợt nghĩ điều em vẫn hằng lo xảy đến đã đến: Em ngã chúi tới trước, đầu vấp xuống bậc xi măng — em thấy lạnh ở trán — em chạy chúi theo dốc thang tròn ốc, bụng em

vấp trên các bậc — em nghĩ lần này chắc chết hết — em cố xoay mình ngửa lại, nhưng tay chân em rũ rượi, em đau xé phọt từng đợt, dốc thang xuống càng lúc càng nhanh, các vòng tròn càng lúc càng sâu hút chóng mặt, sự đau đớn làm em bất thết...

Và choàng tỉnh. Hai tay em ôm bụng, cơn đau càng lúc càng gia tăng, bên trong tựa quấy rất mãnh liệt, mồ hôi vã ra trên trán, trên thái dương, trên lưng, em trở mình liên hồi, bàn ghế tủ các bậc vách chập đèn trong phòng luân chuyển không ngừng, bậc trần chợt thấp xuống, vàng bật, nặng nề, chợt lên cao, trắng xóa, mềm nhão, rồi lại thấp xuống, lại lên cao, mờ ảo, trắng đục, nhạt nhoè, và cuối cùng vọt lên, càng lúc càng lên cao, xa hút, bỏ lại em một mình trong gian phòng trống trải, trả nỗi đau đớn của em lại cho em cùng cơn bàng hoàng yên tĩnh.

KIỆT TẤN

11.1966

NGUYỄN SỸ-TẾ

Phê bình mới

Thời đại của chúng ta là thời đại của sự phân hóa và tiến hóa thường xuyên của mọi ngành tri thức. Chỉ cần một khoảng thời gian nhỏ là một lý thuyết triết học hay khoa học đã có thể đánh lui, nếu không là đào thải một lý thuyết có trước. Nghệ thuật và phê bình cũng thế.

Nói đến phê bình giả định rằng đã có một nền phê bình gọi là cũ. Mà thật thế, khoa phê bình văn chương đã có một lịch sử tiến hóa lâu dài ở Tây phương với không biết bao nhiêu quan điểm, đường lối, công trình. Chỉ cần nhắc nhở rằng đối tượng của phê bình, — văn chương và nghệ thuật — đã đổi thay là ta thấy rằng trong Khoa phê bình, người ta không còn có thể khư khư giữ mãi những khi cụ làm việc đã của môn, những tập quán suy tư đã trở nên lạc hậu. Chẳng còn ngờ vực chi nữa, sự chuyển hướng mạnh mẽ của phê bình cũng là nhờ ở những tiến bộ lớn lao của khoa học về tạo vật cũng như về con người. Đại cương, người ta có thể nói về sự chuyển hướng đó : Trong phê bình, không còn phải là lúc người ta *phán quyết* nữa mà là lúc người ta *lý hội* ; thuyết quyết định của khoa học thế kỷ XIX rút về một giả thuyết, một khi cụ làm việc, người ta cũng chủ trương bở:

VẤN ĐỀ 4

phần *giải thích* để tăng phần *phân tích*. Cái phần ứng « miêu tả các cá tính » của một vài nhà phê bình văn học thế kỷ XIX trở thành thực tại nghiêm trang. Mà cũng chẳng còn ai ngược sách như người xưa nữa : Phán quyết đối với viện dẫn lý do, giả định đã lý hội thấu đáo. Ai đã dám tin chắc ở cái công tác tiền quyết đó của phán quyết ? Thế là khoa phê bình bị đặt lại từ khởi điểm.

Một điều cần minh xác thêm là : Không phải phê bình mới là một trường phê bình có hệ thống giáo điều chặt chẽ. Sự xung khắc không phải chỉ diễn ra giữa hai phe mới cũ mà ngay trong hàng ngũ những nhà phê bình mới. Và như đa số các nhà phê bình văn học Tây phương nói đúng điều đó, cái bệnh trạng căn bản của khoa phê bình hiện đại là ở chỗ một mặt nó muốn biến thành một khoa học nhân văn nhằm mục đích toán giải (*déchiffrer*) một tác phẩm một cách khách quan ; mặt khác, trở thành một triết lý chủ quan để diễn giải (*interpréter*) một công trình văn học.

Nói đến phê bình mới là nói tới các viễn tượng cũng các phương pháp toán giải và diễn giải, nghĩa là lý hội đó. Một dụng hợp từ đó có thể được đề ra.

*

Trước hết, xin kiểm điểm sơ lược các phương cách chính yếu của phê bình hiện đại. Nói chung, những phương cách này phản ánh tính thần và mức tiến hóa của khoa học và triết học hiện đại.

Ở hàng đầu, người ta bắt gặp quan điểm tâm lý học — phân tâm học và tâm lý cấu sinh học. Không ai có thể phủ nhận được rằng *phân tâm học* đã nghiêm nhiên thành nền tảng lớn lao trong công cuộc tìm hiểu con người hiện đại. Nhưng phân tâm học không phải là không có nhiều dò dẫm, lạm dụng và chia rẽ để rồi lại phân hóa thành nhiều khuynh hướng mà

người ta gọi là *những khoa tâm lý chiều sâu*.

Người ta lợi dụng phân tâm học là phải. Tác phẩm văn chương chẳng phải là công-trình sáng-tạo của trí tưởng-tượng hay sao? Điều cốt yếu không thể quên được là sự sáng tạo cổ yếu diễn ra nơi tiềm thức.

Nhưng rồi trong bước đầu khi phê bình sử dụng phân tâm học, — điển hình Nguyễn văn Hanh với cuốn *Hồ xuân Hương*, — nó đã chỉ có những kết quả thăm thương. Nguyên nhân là nhà phê bình văn học đã chỉ nhằm vào những khám phá của khoa tâm lý bệnh lý (tâm lý của nhà thương) về cái vô-thức bệnh hoạn của Freud. Các tác giả biến thành những con người bệnh hoạn, và tác phẩm của họ là công trình của những bệnh nhân. Giả thử sự giải thích có đúng đi chăng nữa thì một chân lý hiển nhiên vẫn nhắc nhở ta rằng « giải thích chưa có nghĩa là phê bình », — trường hợp tiêu biểu Nietzsche.

Vả lại, nào con người dân có phải chỉ có cái vô-thức bệnh hoạn nói trên? Bên cạnh, còn có vô-thức bình thường mà các khoa tâm lý chiều sâu tiếp đó đã soi sáng cho ta nhiều điều quý giá. Nhưng rồi, những lạm dụng vẫn lại diễn ra. Có một thời các nhà phê bình Tây phương đã tạo nên cả một cái *huyền tượng về những chiều sâu* trong tâm lý con người. Phản ứng chống lại, một nữ sĩ đã phải viết đại khái: Con người hiện đại là những thể xác không linh hồn; chiều sâu con người chỉ có chiến tranh, đói khát và tình dục; và thế là con người lại chẳng là một cái gì khác ngoài cái bộ dạng của nó; cái chiều sâu đã nổi cả lên chiều nông thẳm một không còn sức lực để mà đóng kịch nữa... Và nữ sĩ đó tiếp: Đã đến lúc ta lại phải gói những cái chiều sâu đó vào một cái vỏ cứng và đục để mà đứng ở ngoài suy ngẫm hay mường tượng. »

Cuối cùng một định đề khác của phân tâm học cũng bị phá bỏ bởi tâm lý học mới, nhất là tâm lý kiến trúc luận: Cái nền tảng của nhân cách con người không phải chỉ ở những khuynh hướng trung đẳng thời niên thiếu.

Ngay đến việc đề cao quá mức tác giả đối với tác phẩm cũng là một ngược sách rỗi. Việc đó dẫn dắt tự nhiên tới một lý thuyết về một tác phẩm độc nhất theo đó mỗi tác giả đều có bao nhiêu tác phẩm chẳng nữa cũng chỉ thu về một phản ảnh trung thành và sâu xa con người của ông ta. Thật là một chủ trương đơn giản đến ngây thơ!

Bước sang quan điểm xã hội học người ta cũng lại bắt gặp những sở trường và sở đoản. Quan điểm này cũng là do lòng mong muốn của nhiều nhà phê bình văn học nhằm bổ túc cho những nhược điểm của khoa phê bình phân tâm học để mà nhận thức rõ cái mối gây liên lạc giữa thực tại và biểu thức văn chương của nó.

Từ lâu, các nhà xã hội học đã khám phá ra cái tính chất lịch sử và xã hội nằm trong ý nghĩa khách quan của đời sống tinh cảm và trí tuệ của các cá nhân. Và các nhà phê bình văn học, điển hình Goldmann, biến nó thành một phương thức khoa học để giải thích các sự kiện trí tuệ cũng như văn chương, rút về những định luật chứng nghiệm. Bây giờ các tác phẩm văn chương chỉ là kết quả nếu không là phản ảnh của một ý thức tập thể, của một xã hội nhất định, của một giai đoạn đấu tranh giai cấp.

Xã hội học bao hàm kinh tế học, chính trị học. Và thế là phê bình xã hội học trở thành phê bình chính trị học. Đây là một đường lối phê bình rất đặc dụng nơi các nhà mác xít. Những lạm dụng và cực đoan cũng rất nhiều. một thí dụ, Trương Tửu. Bước đầu người ta có một chủ trương mác xít sơ đẳng: Phê bình cố gắng thiết lập những đồng nhất hay tương đồng về nội dung giữa thế giới tưởng tượng của một tác phẩm và thế giới xã hội đồng thời. Cái đơn giản đó qua đi, nghiêng về một thứ xã hội học kiến trúc luận, G. Lukacs, nhận định công trình sáng tạo nghệ thuật một cách tế nhị hơn: sáng tạo văn chương là sáng tạo một thế giới mà kiến

trúc tương tự như kiến trúc thiết yếu của thực thể xã hội trong đó tác giả đã viết nên tác phẩm của mình. Các nhà phê bình khác cũng minh xác thêm: khái niệm mở đầu cho việc diễn giải tác phẩm là việc nối kết nó với toàn bộ những khát vọng, những tình cảm, những tư tưởng chúng kết hợp những đoàn viên trong một nhóm đoàn xã hội đối đưng trước những nhóm đoàn xã hội khác; thiên tài sẽ chỉ là người biểu dương được tới mức tối đa cái ý thức của tập thể của người đo.

Ta không chối cãi sự đóng góp đắc lực của xã hội học trong việc tìm hiểu văn chương, giúp ta nắm lấy tác phẩm trong cái toàn diện của nó. Ta cũng không nhất thiết bác bỏ, trên phương diện phê bình chủ quan, cái thái độ đầu quân chủ quan của phê bình mác xít nhiều khi đã sấm vai trò của ý kiến bao trong văn chương làm ta suy nghĩ lại vấn đề, làm cho khoa phê bình tiến lên. Điều mà ta phản nân trên phương diện phê bình khách quan là cái chủ trương của họ rút mọi tác giả văn chương vào thứ vị của những « người lái buôn ý-thức hệ » cái chủ trương bất phân văn gia với triết gia, thi gia với tư-tướng-gia. Và nếu chỉ đề xác định cái « ảnh tượng thể giới » trong các tác phẩm thì văn chương đề mà làm gì, tội gì mà ta phải đọc những tác phẩm văn chương hay phê bình rườm rà, nặng nề khó khăn, tầm tối khi mà đơn giản mau chóng hơn ta chỉ cần đọc một cuốn sử-ký hoặc một cuốn kinh-tế học Lai câu chuyện phân chia nội dung bình thức một cách giả tạo và khiến cuống rối ! Trong văn chương cái điều nói lên cơ bao giờ tách rời khỏi cái cung cách nói lên ? Lấy một nhất tri bên ngoài tác phẩm, phê bình xã-hội học đã đánh lạc cả sự phản tích bên trong tác phẩm đề rồi lại hóa ra một thứ gò bó hay cắt xén mất cả ý nghĩa toàn bộ ban đầu.

Cho nên sau hai quan điều phân tâm học và xã hội học trên đây, phê bình theo hiện tượng luận và kiến trúc luận xem chừng được ưa chuộng hơn. Kể ra thì những chân lý mở đầu cũng đã thấy đặt đề từ lâu. Ta hẳn biết một lời chỉ có ý

nghĩa trong một câu, câu trong bài, bài trong một văn nghiệp. Một phần cất nghĩa toàn bộ, nhưng ngược lại toàn bộ cũng cất nghĩa từng phần; hai nguyên lý giải thích đó phải bổ túc cho nhau. Nhà phê bình cũ, H. Taine cũng đã mong mỗi cho khoa phê bình « hiện dâng quang cảnh của những tất yếu đáng khen chúng nối kết các mối giây với nhau, những mối giây nhiều vô cùng, mang sắc thái đổi thay và quấn quýt lấy nhau nơi mỗi con người ».

Hiện tượng luận về ngôn ngữ đến xác nhận những điều trên với ý niệm về một thứ ngôn ngữ toàn diện vô cùng phong phú hơn là ngôn ngữ khái niệm. Ngôn ngữ không phải chỉ đề diễn tả một ý tưởng mà cốt yếu nói lên cái ý nghĩa của các sự vật đối với một con người, một con người có một quá khứ, sống trong một cảnh ngộ, một con người cụ thể. Từ đó, ngôn ngữ văn chương phát biểu cái tương quan riêng rẽ của nhà văn với ngoại giới Ý nghĩa bao giờ cũng vượt lời nói. Suy tưởng cũng là nói, dầu là nói thầm, nói bằng ngôn ngữ nội tâm. Ta phải sống một ngôn ngữ mới hiểu được ngôn ngữ đó.

Bây giờ, phê bình muốn nắm lấy cái toàn bộ mạch lạc của hiện tượng văn chương. Nó phải đi sâu vào những « kiến trúc », nghĩa là những xếp đặt, những móc nối bên trong sao cho những phần bộ chỉ được lý hội bởi cái toàn bộ mà chúng lập thành, những chi tiết được soi sáng bởi toàn thể. Những kiến trúc này, theo tâm lý kiến trúc luận rất thịnh hành ở Mỹ quốc, được nhận biết ở mọi bình diện tâm lý nơi có tương quan con người với vũ trụ: trí giác (kiến trúc của sự vật, kiến trúc của cảm quan), đời sống hoạt động (kiến trúc của tâm tính, kiến trúc của cảnh ngộ) ngôn ngữ (kiến trúc ngôn ngữ học), nghệ thuật (kiến trúc thẩm mỹ)... Thế là kiến trúc luận về văn-chương nhập vào với hiện-tượng luận về văn-chương để thành một thứ miêu tả những cơ

cấu nội bộ của một tác-phẩm văn-chương.

Nhưng rồi kiến-trúc-luận, hiện-tượng-luận cùng với hiện-sinh-thuyết về văn-chương cũng có cái bí kịch của chúng. Một kiến trúc chỉ được nhận biết là trong một viễn-tượng nào. Những yếu tố khách quan thành lập (giả dụ kiến trúc của sự vật ngoại giới) cũng chỉ phơi bày ra qua một lối ngắm chủ quan (giả dụ ý thức đi tri giác hay kiến trúc của cảm quan). Như vậy, một tác phẩm có thể cất đặt thành nhiều kiến trúc khác nhau tùy cái tương quan giữa nhà phê bình và tác phẩm chịu phê bình. Cái tương quan đó chính là sự « đầu quân toàn diện » của nhà phê bình. Và thế là muốn khách quan hóa người ta lại chỉ tìm thấy cái thể chủ quan của mỗi nhà phê bình mà thôi.

★

Vài kiểm điểm đường lối phê bình trên đây cũng đủ cho ta thấy rằng khoa phê bình hiện đại đứng trước cả một bày đông đảo các quan-điểm, các phương-cách khoa học cũng như triết-học. Nếu như nhà tâm lý học có muốn phương-nhận-thức một cư xử con người thì nhà phê bình cũng có ngàn cách để lý hội một tác phẩm, sản phẩm của con người. Định nghĩa của Hegel về con người vẫn còn chấp nhận được : ý thức sản sinh các định chế, các tác phẩm. Dựa vào những phân tích và phê bình trên kia, ta thử đi vào vấn-đề nhất-thống khoa phê-bình văn-học. Đối với vấn đề này, cũng lại có hai thái độ khác nhau :

— Một phái hoài nghi nghĩ rằng phê bình gia cũng chỉ là một người — đầu là một khoa học gia hay một triết gia — trôi tròn trong những khuynh hướng, thị hiếu ghét yêu tự nhiên, trong cái kiến trúc tâm tính hay ý thức của người ấy. Vậy mỗi nhà phê bình lại có một lối cư xử đối với tác phẩm. Và đứng

trước muôn ngàn đường lối cư xử khác nhau đó, sự nhất thống sẽ chỉ là giả tạo, ta chỉ nên làm một cuộc tập hợp đơn thuần.

— Một phái lạc quan tin tưởng hơn nhận định rằng cái cảnh phong phú, sầm uất của những quan điểm phê bình trên kia là một phát triển có định hướng, giống như những đồ thay trong lương tâm nhân loại đi theo chiều tiến bộ văn minh. Người ta cho rằng một tác phẩm rồi vẫn có một ý nghĩa khi nó hiện thân một thực thể vượt nó. Đến đây lại phải có một niềm tin ở một cái mà người ta gọi là một « thực thể con người » vượt lên trên các điều kiện sinh hoạt lịch sử và địa lý địa phương. Và cũng là một nguyên tắc có nhiều phạm vi áp dụng : Sự thống nhất ở trong sự phức tạp. Bền trên những ý nghĩa tìm ra cho một tác phẩm, vẫn có một ý nghĩa mà tác phẩm đó bao hàm.

Ta có thể nghiêng về phái thứ hai này. Nói theo ngôn ngữ của tâm lý học một cách hết sức khái quát, cái nhất thống phê bình cũng như nhất thống tâm lý ; Nếu như tâm lý con người là một trường nhất thống gồm nhiều nhóm sức thì tác phẩm phê bình kia cũng chính là cái trường nhất thống quy tụ nhiều tương quan giữa nó với các phê bình gia. Thêm nữa, nhiều đường lối đương như mở ra cho công cuộc nhất thống và đo đo khách quan hóa khoa phê bình.

Trước hết, ta phải chia xẻ cái nhận định sau đây của R. Barthes : Không có chân lý, sự thật ở trong phê bình ; phê bình không phải là nói cho đúng nhân danh những nguyên tắc thật (bởi vì nếu thế thì phê bình biến thành một thứ luận lý về các tác phẩm tương ứng với một quan niệm sai lầm về đạo đức biến nó thành một thứ luận lý về hành động). Thay vì « chân lý » ta hãy thuận tình với những « điều có thể dùng được ». Thế giới có mặt, nhà văn dõi lên, viết lên, đó là văn chương. Đối tượng của phê bình không phải là thế giới mà là một bài

nói, một bài viết — bài nói, bài viết của một kẻ khác. Phê bình, là một biện thuyết về một bài biện thuyết. Nó là một thứ ngôn ngữ ở hàng thứ hai nhằm vào một ngôn ngữ thứ nhất (cũng như luận lý học là tư tưởng ở bậc hai đối với tư tưởng ở bậc một của nhà thông thái).

Người ta thường nói : văn chương là quyền và dụng của mỗi người. Ta có thể nói tiếp : Phê bình là quyền và dụng của mọi người. Theo nguyên tắc đó đến cuối đường luận lý thì ta lại có thể xác nhận rằng một phê bình phạm tục đến đâu cũng là một lối nắm lấy một tác phẩm.

Vậy lại phải chấp nhận một nguyên tắc bổ túc này : sự tự do phê bình. Tôi nghĩ chính cái tự do mới là điều kiện đoàn kết và nhất-thống con người, nói hòa đồng là mâu thuẫn ngôn ngữ.

Bàn về tự do phê-bình, phải bảo thủ thường hay nêu lên cái sự trơ trẽn bừa bãi, phạm tục, hỗn độn, bướng bỉnh, vô trách nhiệm của những lời phê bình. Tôi nghĩ đó cũng là cái rủi ro của sự tự-do mà ta phải chấp nhận nếu muốn có tự do và nhất thống. Chẳng hạn quan, ta cũng phải tin rằng con người ai cũng muốn làm đúng, chỉ sợ không có khả năng, phương tiện và tự do để mà làm đúng mà thôi. Chính những sai lầm mới đưa tới sự chính xác.

Nhưng nói đi cũng có nói lại, cái tự do mà R. Barthes chủ trương trong phê bình,— cũng như tự do trong mọi lĩnh vực,— chẳng phải là cái tự do tuyệt đối vô điều kiện. Có người vội suy diễn về tự do phê bình : Nói bất cứ cái gì. Người ta vội trả lời : Nói bất cứ như thế nào. Nhiều phê-bình gia hiện đại đồng ý với nhau rằng nhà phê bình được tự do lựa chọn ngôn ngữ của mình hay là cái bình diện mang ý nghĩa của một tác phẩm làm đất đứng, nhưng một khi đã chọn lựa rồi thì người đó phải khuôn nhịp ngôn ngữ và việc làm của mình vào trong một hệ-thống với tất cả những đòi hỏi vì những bó buộc của hệ thống đó. Các vị này đưa ra hai điều kiện

đề ràng buộc cái tự do trên nguyên tắc nói trên : ngôn ngữ phê bình phải đều đặn, ăn khớp với nhau (nguyên tắc đồng nhất hay bất mâu thuẫn của lý trí ?) và ngôn ngữ đó phải tràn ngập, thâm thấu cho no đủ tác phẩm được phê bình (nguyên tắc toàn bộ ?). Nhất thống và toàn bộ của một tác phẩm cũng là mối nhất thống của khoa phê bình.

Bỏ đi những cực-đoan, thiên lệch của mỗi quan điểm phê bình, người ta có thể tìm được một mẫu số chung, một miền đất đứng chung để mà lý hội một tác-phẩm văn chương trong cái nhất thống và toàn bộ của nó. Nhắc nhở rằng trong cái mẫu số chung tìm kiếm ấy, ta chờ nên quên rằng phê bình là nhằm vào tác-phẩm chứ không vào tác-giả. Việc tìm hiểu tác-giả, xã hội..., chỉ là phương tiện để thực hiện cứu cánh tìm hiểu tác-phẩm. Đó là nguyên tắc *sự ưu tiên của tác phẩm đối với tác giả*. Và đó cũng là điều mà người ta thường xác-nhận thành một kỷ-ngôn : Một tác-phẩm tự nó chứng-thực cho nó, tự nó biện-minh cho nó, tự nó tạo ra quy luật cho nó...

Tâm lý học mới cho ta thăm dò chiều sâu tâm khảm người sáng tác, xã-hội-học hiện đại đặt sáng tác phẩm vào trong cái đám vãi xã hội của nó, kiến trúc luận cho ta am-tưởng cái tổ chức nội bộ và sự điều hành của nó, hiện tượng luận cho ta đón bắt nó ngay trong cái triển khai không gian và thời gian của nó, sử học xác định cái thời lịch sử của nó, thẩm mỹ học, ngôn ngữ học, văn pháp học quy định cái đặc thù của nó... Nhà phê bình này phải biết tận dụng cái đóng góp của nhà phê bình kia, bởi nếu nhà phê bình phải gia công lý hội một tác phẩm văn chương thì cũng phải làm điều tương tự cho tác phẩm phê bình của người đồng nghiệp. Phê bình cũng phải lý hội phê bình là thế, quá trình phải kéo dài miên viễn. Tất cả đây thiệu chí can trường để nắm lấy trọn niềm bí mật cô đơn, lạnh lùng trong không gian và thời gian rộng lớn của một tác phẩm. Đã đến lúc các nhà phê bình mới phải làm một cuộc phản tâm chính ngay tác phẩm phê bình

lắng nghe những tiếng nói thầm từ những miền bóng tối chưa khai phá của tác phẩm.

★

Phê bình mới đã có thêm rất nhiều phương cách thâm dò đặc lực tác phẩm. Đó là cái vinh của nó. Nó đang ở trên con đường trở thành một khoa học nhân văn chính xác. Nhưng cũng như các ngành khoa học nhân văn mà nó nhằm tiến tới, nó cũng lâm vào một bệnh trạng căn bản là bị giằng co giữa phương pháp giải thích và phương pháp lý hội, giữa viễn tượng khoa học và viễn tượng triết học. Nó còn tiến bộ và chính sự tiến bộ đó song song với sự tiến bộ của mọi ngành tri thức sẽ giúp nó thống nhất và khách quan đề mà nắm lấy cái nhất trí và cái toàn diện của các tác phẩm. Nhưng mà vai trò chính yếu trong viễn tượng nhất thống phê bình vẫn là thuộc các nhà phê bình.

NGUYỄN-SỸ-TẾ

LÝ HOÀNG PHONG

Huế, thành phố của bí ẩn

M Ỗ I lần về thăm rồi từ già Huế, tôi vẫn từ già thành phố ấy như một kẻ trốn chạy, Huế, nơi tôi đã sinh ra và lớn lên. Thật ra, tôi không bao giờ quên được thành phố đó, thành phố của một quê hương như đã mất nhưng bao giờ cũng có mặt. Nhưng nhớ đến nó, tôi vẫn nhớ như người ta nhớ đến một ngôi chùa, một giếng sông hay một đêm trăng. Hình ảnh Huế gợi lên trong trí tưởng vẫn cho tôi cảm giác đứng trước một cái gì vĩnh viễn không đổi thay, vĩnh viễn im lặng, nhưng vẫn luôn luôn khuấy động đời sống con người như một bí ẩn. Tôi nghĩ: Huế là thành phố của hư vô. Nó xô đẩy và cuốn hút con người như hư vô.

Đà Lạt cũng cho người ta cảm giác đó. Với bầu trời mênh mông trên đầu, những núi đồi trùng điệp, những con đường vắng xuôi đi mất hút, những mặt hồ im lìm, những đêm sương sa mù mịt ánh đèn nhoe ra lung linh ở xa như những ánh sáng của một thế giới nào khác. Nhưng Đà Lạt chưa phải là một thành phố. Nó còn quá trẻ. Nó chưa có đủ một lịch sử, một cuộc đời để cho những cảm giác siêu hình đè nặng trên chúng ta. Huế có đủ dĩ vãng để cho hư vô vây quanh con người.

Bước xuống phi trường Phú-Bái, anh đã gặp phải một

cảm giác ngày ngày lạc loài. Con tàu chở anh vừa bay men theo một miền biển xanh nhấp nháy ánh nắng. Nó vừa vượt qua một ngọn núi thấp, lướt trên một vùng cát trắng với những bãi đất nhấp nhô, lờm chờm những bụi cỏ khô cháy, nó hạ thấp xuống trên một khóm tre trước khi đáp xuống phi đạo. Đứng trên sân bay mất chìm giữa vùng sa mạc đỏ, anh thở một thứ không khí nóng bỏng, một thứ gió nồng nàn tập vào người làm anh say say. Những hành khách mang giỏ, mang va ly chậm chạp rời sân bay. Một người con gái mặc áo trắng chạy ra đón người thân. Một thân hình và một khuôn mặt đều đặn, một mái tóc đen chải sát trên đầu với một đường rẽ giữa và thả xuống ngang vai. Người con gái có thấy anh, có nhìn anh, anh không biết, nhưng anh cứ tưởng đôi mắt đen lấp lánh chung quanh, như một ảo ảnh.

Chiếc xe lam chở anh rời phi trường ra đến quốc lộ và chạy về thành phố. Qua những đám ruộng, những khóm tre, những mái nhà tranh, chiếc xe chạy bên cạnh một con đường sắt, anh nhìn thấy những dãy núi xám ở gần trước mặt và gần hơn, những ngọn đồi trần trụi. Bây giờ đã thấy hiện ra những xóm nhà chen chúc, những mái ngói, những khu vườn, chiếc xe rẽ quanh, chạy thẳng qua một chiếc cầu ngắn, một mái chợ và một khu phố nhỏ rồi đổ xuống trên một mảnh sân, nơi một ngã tư. Anh đã đến Huế giữa một trưa hè. Anh thả mình trên một chiếc xích lô, hai chiếc bánh thông thả lăn trên một con đường vắng lấp loáng bóng cây, anh nghe một im lặng menh mông dâng lên từ cảnh vật và ở chính trong anh. Anh đang đi vào thành phố của hư vô.

Anh về đến gia đình và biết rằng sắp có một ngày giỗ lớn và ngày mai, trước ngày giỗ, anh đi tảo mộ với người cha. Anh trở lại nơi những ngọn đồi trần trụi và những con đường cát trắng với một ngọn suối nhỏ. Anh leo lên những ngọn đồi, đi từ ngôi mộ này đến ngôi mộ khác, anh thấp những cây hương cắm trước những tấm bia, anh vái lạy những người đã chết, ông

cổ, bà cổ, ông nội, bà nội, những anh em đã mất. Đứng nơi ngôi mộ của người cổ nằm khoanh giữa một nắm đồi dưới chân một ngọn núi thấp, nhìn xuống ngôi nhà thờ nhỏ sơn trắng nằm giữa bãi thung lũng bên cạnh một khóm thông già, anh sống lại với dĩ vãng, anh đắm chìm trong thế giới vô hình giữa cảnh vắng lặng của núi đồi. Và ngày giỗ đến với mùi hương trầm lan tỏa trong nhà, bàn thờ sáng choang đèn nến và những hình ảnh người chết hiện lại với mọi người, những anh em, bà con, chú bác, cô, dì tụ họp, những người chết luôn luôn có mặt trong đời sống của thành phố.

Những ngày hôm sau, anh đi thăm bà con, những bạn bè quen thuộc cũ. Anh đi vào Thành-Nội với điệu đài cổ kính, với những căn nhà vuông vẫn giữa một mảnh vườn nhỏ có hàng đậu xanh, trước sân có cây kiệu, có vòm hoa, có cây ăn trái mỗi khu nhà là mỗi vũ trụ riêng biệt. Anh đi qua Ao-Hồ, nơi những khu vườn rộng, những kiểu nhà quan cách, có bình phong đằng trước, các nhà kiêu cô ăn đậu bên trong. Anh đi qua VL-Dạ, về An-Cự, lên Bến-Ngự, Phú - Cam rồi đến Nam-Giao. Ở đâu, trong mỗi nơi anh đi qua, trong mỗi gia đình anh ghé thăm cũng có một phần hư vô bao bọc, nơi những bàn thờ khuất kia sau những tấm màn, nơi những khoảng trống lộng lẫy giữa đồ vật, nơi khu vườn đầy cây lá, nơi màu trắng những tà áo con gái, nơi con mắt một người gặp trên đường, trên giòng sông, trong ánh trăng.

Huế có lẽ là thành phố độc nhất trên thế giới mà những nữ sinh gặp nhau buổi sáng ở nhà trường với câu nói đầu tiên «đêm qua trăng đẹp quá». Về với Huế là về với những đêm trăng, một thứ trăng của Hàn-mặc-Tử, trăng của tôn giáo, của Đông phương, của một thiên nhiên đầy tình cảm. Đêm, nằm trước sân nhà hay nằm trên gác, trăng chơi với trước mắt anh. Đêm, anh đi trên những con đường đầy trăng ra đến ngoài bờ sông và anh nhìn trăng tràn ngập trên giòng nước

anh nhớ đến bao nhiêu đêm trăng của tuổi thơ và của những ngày niên thiếu đầy ảo mộng. Về với Huế là về với con sông anh không bao giờ quên, con sông đã trở thành một vơi thành phố, gắn liền với đời sống con người chung quanh, con sông mờ sương buổi sáng, con sông rực rỡ buổi trưa, con sông êm đềm buổi chiều, con sông man mác buổi đêm. Một buổi chiều anh xuống bến đò Thừa phủ và anh thấy cả một giòng nước màu xanh lá cây óng ả, một hoàng hôn, anh qua bến đò Vĩ. Dạ và mặt sông là cả một màu huyết dụ lấp lánh mệnh mang; cũng một buổi chiều, anh lên đồi Vọng Cảnh, trên đường đi, anh thấy con sông lấp loáng dưới xa như một giải lụa huyền, không như chảy về mà như xuôi lên một miền Thiên-Thai xa vời, một đêm nào, đứng trên cầu Tràng-Tiền, anh nhìn xuống mặt nước đen in bóng những bóng mây trắng nõn, một mảnh trăng và những vì sao, và ngày lại ngày, con sông im lìm chảy mãi như giòng thời gian đi vào bất tận. Và tất cả, ánh trăng và giòng sông, tất cả mang lời mời gọi của một hư vô đầy huyền nhiệm, tràn ngập, xâm chiếm lấy anh.

Huế có phải là thổ, là thành phố của im lặng, của ánh trăng và của giòng sông. Nếu vậy làm sao giải nghĩa được sự vùng dậy của thành phố đó những năm qua. Hay là sự vùng dậy cũng chỉ là một tác động của hư vô. Và đó là điều bí ẩn của một thành phố trong lịch sử. Một buổi sáng, anh đến nhà thờ Phú-Cam, anh bước lên những hàng tầng cấp cao và những mặt sân rộng, nơi đây những toán học sinh nhỏ đang chơi đùa, múa hát, anh lên đến hành lang của nhà thờ, vào bên trong, những ông già bà già qui đọc kinh giữa những cây cột lớn và trong một thứ ánh sáng nửa chừng, với một giọng ngân nga anh chưa từng nghe, nhắc anh nhớ đến những điệu đàn độc thoại tây-ban-nha. Anh đi qua chùa Từ-Đàm cách đây không xa, cũng bước lên những tầng cấp cao và đi vào trong kiến trúc của một thứ chùa Trung-hoa, khép kín, cao lớn và uy nghi,

khác hẳn với vẻ trang nhã đơn sơ của một chùa Bảo-Quốc. Anh nhớ rằng vùng Phú-Cam là nơi nuôi dưỡng tinh thần một gia đình đã làm cuộc cách mạng nhân-vị và chùa Từ-Đàm là nơi phát xuất một cuộc cách mạng khác mà chung cục đang còn là một dấu hỏi. Anh tiếp tục cuộc hành trình về phía Nam-Giao, rẽ vào một cánh đồi thông, bước đi trên con đường lặng lẽ. Anh lên đến đỉnh đồi và thành phố hiện ra trước mắt anh, dưới xa; con sông lấp lánh, ẩn hiện giữa những vùng xanh cây lá, và 2 bên bờ, cột cờ Thành-Nội, góc chợ Đông-ba, mái trường Đại-học, tòa nhà Hành-Chánh... Anh đang ở thành phố trên cao nhìn xuống thành phố dưới thấp.

Một thành phố cũng như một con người. Nó có một đời sống của thể xác, một đời sống của trí thức và một đời sống của tâm linh. Đặc biệt của Huế là ba khu vực đó của đời sống được phân ra trong ba khu vực của thành phố, với những giới hạn, những tầng cao thấp rõ rệt. Khu tả-ngạn là khu vực của đời sống kinh tế với phố xá buôn bán dọc theo con đường ven sông từ Ba-Vinh đến chợ Đông-ba. Khu hữu ngạn là khu vực của đời sống chính trị và văn-hóa với công sở hành chính, các trường đại học và trung học. Và khu vực thứ ba là của đời sống tâm linh ở một tầng cao hơn là Bến ngự, là Phú Cam, là Nam Giao, với những con dốc đưa lên những vùng đồi núi cao lên mãi là núi Ngự, là Thiên Thai, nơi đây là miền ngự trị của tôn giáo, với nhà thờ Phú-Cam và những ngôi chùa đầy dẫy khắp nơi.

Trước khi có mặt người Tây phương thì ba khu vực này của đời sống đều ở về phía tả ngạn: khu vực Đông ba, khu vực Thành nội và khu vực chùa Thiên mụ. Nhưng người Tây phương đã đến, tạo ra một thành phố hữu ngạn của văn minh phương Tây đối chiếu với thành phố cũ của phương Đông.

chạy. Đó là ngày tôi không còn thấy choáng ngợp trước sự im lặng, không còn thấy sa lầy trên những con đường không bóng người, không còn thấy chết đuối giữa đêm sâu trong một tiếng chuông chùa bỗng nhiên vang động. Ngày đó tôi cũng sẽ hiểu được điều bí ẩn của một thủ đô để xuất hiện do lời phản từ khoảng không.

LÝ-HOANG-PHONG

Trong những trang cuối của tác phẩm *Le Zéro et l'Infini*, hình như Koestler đã tưởng tượng đến một cuộc cách mạng của những tu-sĩ, tiếp theo cuộc cách mạng của những ủy viên chính trị. Nếu Huế, nơi mà hư vô đang còn bao trùm đời sống, nơi mà những lực lượng kinh tế chưa đè bẹp con người như Sài-gòn và Hà-nội, đã là nơi phát sinh cuộc cách mạng như Koestler đã từng tưởng tượng, thì đấy không là một sự kiện khó hiểu.

Đã có một thời kỳ con người đắm chìm trong hư vô và đã có một thời kỳ con người muốn hoàn toàn chối bỏ hư vô, coi nó như một sức mạnh ma chiết con người. Marx cũ nói đến tình trạng vong thân trong đời sống tôn giáo, trong chế độ tư bản, đến nay người ta đang nói đến một tình trạng vong thân khác trong đời sống kinh tế, trong chế độ cộng sản. Nhưng hư vô là sự sống, là sức mạnh kết hợp và giải phóng hay trái lại. Đó là câu hỏi một thành phố có thể trả lời trong lúc dân tộc đang trên đường đi tìm sự hợp nhất để trở thành một thực thể toàn diện.

Nghĩ về Huế với bao nhiêu kỷ ức và ý tưởng, có lẽ tôi đã hiểu được một phần nào tại sao Huế vẫn đem đến cho tôi những cảm giác đầy mâu thuẫn. Tôi mơ ước một ngày trở về thành phố đó mà không còn thấy bị xô đẩy và phải trốn

Đã phát hành

NGƯỜI GIẾT NGƯỜI

Lý hoàng Phong

Văn-Xã xuất bản

CARSON Mc CULLERS

Người phiêu bạt

KHOẢNG biên giới nhập nhao giữa thực và mộng buổi sáng hôm đó mang hình ảnh thành phố La Mã: những vòm nước bắn tung, đường phố hẹp cong cầu vồng, thành phố vàng son rực màu hoa và những phiến đá mềm nằm thàng. Đôi khi trong những lúc ý thức chưa dậy hẳn đó, chàng thấy mình trở lại với những ngày phiêu bạt ở Ba Lê, hoặc giữa những cảnh chiến tranh đổ nát bên Đức, những buổi trượt tuyết ở Thụy Sĩ và cảnh một khách sạn giữa vùng tuyết trắng. Đôi khi chàng cũng thấy mình sống lại giữa một cánh đồng bẽ hoang buổi rạng đông miền Georgia. Phong cảnh sáng hôm đó là một phong cảnh thành phố La Mã trong vùng mộng không thời gian.

John Ferris thức giấc trong một căn phòng khách sạn ở Nữ Ước. Chàng linh cảm một điều gì khó chịu đang chờ đợi — một điều gì đó, chàng không biết. Cảm giác đâm chĩa trong những nhu cầu buổi sáng vẫn còn vương vất sau khi chàng đã mặc quần áo đi xuống cầu thang. Đó là một ngày thu không mây. Ánh mặt trời nhợt nhạt cắt ra từng khoảng giữa những ngôi nhà chọc trời màu phấn vẽ. Ferris băng ngang đường bước vào một tiệm nước và tạp hóa trước mặt và ngồi

MN ĐỀ 4

lồng chiếc bàn phía cuối bên cạnh khung cửa kính trông ra đường. Chàng gọi một bữa điểm tâm Mỹ gồm trứng trắng và xúc xích.

Ferris từ Ba Lê trở về đưa đám táng ông cụ thân sinh tuần trước ở tỉnh nhà thuộc tiểu bang Georgia. Cái chết đã gây một cảm xúc mạnh và làm cho chàng thấy rõ những ngày gần thiếu đã qua. Trán chàng đã sồi thêm và hai bên thái dương tóc đã rụng hết nổi những đường gân giập theo nhịp mạch máu. Người chàng trở nên khô mỏng duy có bụng hơi lơn ra. Ferris thương cha và mối tình cha con đã từng có lúc rất gần bó nhưng rồi lòng hiếu thảo của chàng cũng nhạt dần đi với năm tháng. Cái chết của ông cụ, dầu dự liệu từ lâu, đã gieo cho chàng một nỗi kinh hoàng không ngờ. Chàng đã cố nản lại để được sống gần mẹ và anh em ở tỉnh nhà. Chuyến máy bay của chàng đi Ba Lê sẽ phải cất cánh sáng hôm sau.

Ferris rút trong túi cuốn sổ địa chỉ để xem lại một con số. Chàng lật những trang trong cuốn sổ và trở nên chầm chầm hơn. Những tên và địa chỉ ở Nữ Ước, ở những thủ đô Âu châu, một vài hàng chữ mờ nhạt ghi những tên và địa chỉ ở tiểu bang quê nhà ở miền Nam. Những cái tên viết bằng lối chữ in, những hàng chữ nguệch ngoạc như viết trong khi say rượu, nét đã nhòe; Betty Wills, một mối tình thoáng qua, cô nàng nay đã có chồng. Charlie Williams: bị thương trong khu rừng Hurtgen, từ đó đến nay biệt vô âm tín. Williams, chàng bạn cũ to con... chẳng biết nay còn sống hay đã chết? Don Walker: một chuyên viên nổi tiếng trong ngành vô tuyến truyền hình, hiện nay đang làm giàu. Henry Green: lặn bại sa sút sau chiến tranh, nghe nói đang ở một đường đường bãi đào. Cozie Hall: nghe đàn như đã chết. Cozie, con người vô tâm, lúc nào cũng cười... không thể tưởng tượng được một

thiếu nữ «ngỗ» như vậy mà cũng có thể chết được. Ferris gấp cuốn sổ địa chỉ lại và đột nhiên cảm thấy lạc lõng, bàng hoàng, gần như sợ hãi.

Đúng lúc đó thì chàng thốt giật mình. Chàng đang ngó ra ngoài tấm cửa kính thì bất gặp người vợ cũ của chàng đi ngang trước mặt, ở trên lề đường. Elizabeth bước đi chậm rãi ngay sát trước mắt chàng. Chàng không thể hiểu tại sao tự nhiên nhịp tim chàng trở nên rối loạn và tiếp theo đó là một cảm giác liêu lỉnh và dịu dàng vẫn còn lại sau khi nàng đã đi khuất.

Ferris vội vã trả tiền rồi hấp tấp bước ra ngoài vỉa hè. Elizabeth đang đứng ở đầu phố chờ băng ngang đại lộ Fifth Avenue. Chàng vội bước về phía nàng định bụng lên tiếng chào hỏi nhưng đèn hiệu ở đầu phố đã thay đổi và nàng đi qua bên kia đường trước khi chàng kịp đến gần. Ferris đi theo Lẽ ra ở bên kia đường chàng có thể bắt kịp nàng để dàng nhưng không hiểu sao chàng cứ lảo đảo ở đằng sau. Mờ toc nàu nhạt của nàng cuốn lên một cách giản dị và trong khi ngắm nàng Ferris nhớ lại rằng có lần cha chàng đã nhận xét Elizabeth có dáng đi đẹp. Tới đầu phố nàng rẽ ngang và Ferris vẫn cứ đi theo mặc dầu tới lúc này chàng không còn có ý muốn bắt kịp nàng nữa. Chàng tự hỏi tại sao hình ảnh Elizabeth lại gây cho chàng những rối loạn cơ thể, tại sao bàn tay chàng ướt mồ hôi và tim đập mạnh.

Đã tám năm rồi Ferris mới gặp lại người vợ cũ. Chàng biết rằng nàng đã tái giá từ lâu, và đã có con đàn. Nhưng năm gần đây chẳng mấy khi chàng nhớ tới nàng. Nhưng thoạt đầu, ngay sau khi ly dị, sự mất mát đã gần như hủy hoại chàng hoàn toàn. Rồi thời gian xoa dịu dần sự đau đớn và chàng đã tìm thấy được một mối tình khác, và một mối tình khác nữa. Người yên của chàng hiện nay là Jeannine. Chắc hẳn là mối tình của chàng đối với người vợ cũ đã tàn lụi từ lâu.

Như vậy thì tại sao chàng lại thấy cơ thể rã rời, tâm thần rối loạn? Tâm hồn chàng như bị mây mờ bao phủ lạc lõng giữa một ngày mùa thu trời trong và cao và chan hòa ánh sáng mặt trời. Chàng chỉ biết có vậy. Ferris vụt xoay người, hối hả trở về khách sạn. Chàng bước những bước dài, như chạy.

Ferris rót một ly rượu uống, mặc dầu lúc đó chưa tới 11 giờ. Chàng nắm vật ra chiếc ghế bành như một kẻ kiệt sức, tay nâng nủ ly rượu bourbon pha nước. Chàng còn cả một ngày dài trước mặt trước khi đáp chuyến máy bay đi Ba Lê sáng hôm sau. Chàng kiểm điểm lại trong óc những công việc phải làm: mang hành lý ra hãng Air France, ăn cơm trưa với ông chủ, đi mua giày và áo khoác ngoài. Và một việc gì nữa... không biết còn việc gì nữa không? Ferris uống cạn ly rượu và lật cuốn điện thoại niên giám.

Chàng cảm thấy như bị thôi thúc phải gọi điện thoại cho người vợ cũ của chàng. Số điện thoại ghi dưới tên Bailey, tên người chồng, và chàng quay số trước khi kịp suy nghĩ thêm. Chàng và Elizabeth đã trao đổi thiệp chúc mừng nhân dịp lễ Giáng sinh và chàng đã gửi tặng một bộ đồ khác khi nhận được tin nàng Cí lấy chồng. Chẳng có lẽ lại không điện thoại hỏi thăm. Nhưng trong khi chờ máy, nghe tiếng chuông điện thoại reo ở đầu giấy bên kia, chàng lại cảm thấy bồi "bồi thẳng thốt.

Elizabeth trả lời; giọng nói quen thuộc gây cho chàng một xúc động mới mẻ. Chàng đã phải nhắc lại tên mình tới hai lần, nhưng khi nhận ra thì nghe giọng nàng nói có vẻ vui mừng. Chàng giải thích cho nàng nghe là chàng chỉ còn ở lại thành phố có một ngày hôm nay. Hai vợ chồng nàng đã nhận lời đi coi hát, nàng nói — nhưng nàng hỏi liệu chàng có thể ghé qua nhà cùng ăn một bữa cơm tối đơn sơ không Ferris nói như vậy hẳn hạnh lắm.

Vào khoảng giữa những cuộc hẹn hò chàng vẫn thường

thắc mắc vì cảm giác như mình đã quên khuấy mất một điều gì cần thiết. Ferris tắm rửa và thay quần áo vào lúc xế trưa, thảnh thơi lại nghĩ về Jeannine; tối mai chàng sẽ gặp nàng. Chàng sẽ nói: « Jeannine, anh tình cờ gặp người vợ cũ của anh ở New York. Đi ăn cơm tối. Dĩ nhiên là có cả ông chồng nữa. Sau bao nhiêu năm gặp nhau thật ngỡ ngàng ».

Elizabeth ở khu East Fifties. Ngồi trong xe taxi đi lên phố, Ferris nhắc trông thấy ánh hoàng hôn còn vương lại ở những ngã ba ngã tư nhưng khi tới được địa chỉ thì trời đã tối nhập nhoạng. Đó là một tòa bin.đình công trước có mái che và có người gác cổng. Gia đình Elizabeth ở trên tầng thứ bảy.

« Mời ông Ferris vào trong nhà. »

Đứa trẻ tóc đỏ mặt lấm chấm tàn nhang làm Ferris ngỡ ngàng. Chàng đã sửa soạn để gặp Elizabeth, hoặc cả người chồng mà chàng không thể hình dung ra được. Chàng cũng đã được biết về những đứa con của Elizabeth, nhưng không hiểu sao chàng không thể nhận ra được những đứa con của nàng. Sự ngạc nhiên làm cho chàng thốt lời lại một cách vụng về.

Đứa trẻ nói một cách lễ phép :

— Đây là nhà ba má cháu. Bác Ferris có phải không ạ ? Cháu tên là Billy. Mời bác vào chơi.

Qua phòng ngoài vào phòng khách, Ferris lại một lần nữa ngỡ ngàng vì người chồng mà trước kia chàng đã không thể hình dung ra được cũng như chàng đã không thể tưởng tượng được những đứa con của Elizabeth ra sao. Đó là một người đàn ông tóc đỏ, dáng nặng nề, chững chạc. Hắn đứng lên và niềm nở bắt tay chàng.

— Tôi là Bill Bailey. Hân hạnh được gặp anh. Elizabeth đang mặc quần áo sắp xong và ra đây bây giờ.

Câu nói gieo lên những chuỗi âm hưởng rung động trước đi, những hình ảnh những năm xưa cũ. Elizabeth yếu đuối, da

thịt trắng hồng và trần truồng trước khi tắm. Elizabeth ngồi trước tấm gương ở bên phần chải lại mở tóc màu hạt dẻ óng ả, quần áo chưa che hết thân thể. Những giây phút gần gũi êm đềm không hề hẹn, thân xác mềm dịu yếu đuối bị chiếm đoạt hoàn toàn. Ferris rung mình lần tránh những kỷ ức đột hiện lên ngoài ý muốn và cố gắng đáp lại cái nhìn của Bill Bailey.

— Billy, con mang khay nước trong bếp ra đây cho ba.

Đứa trẻ vâng lời ngay. Nhìn đứa trẻ đi khuất vào trong bếp, Ferris nhận xét, để đưa chuyện : « Cháu ngoan nhỉ. »

— Vâng, cháu cũng ngoan.

Một khoảng trống lặng lẽ trôi qua cho tới khi đứa trẻ quay trở lại với một chiếc khay trên đề mấy chiếc ly và một bình pha cocktail Martini. Hơi rượu ngà ngà, hai người bắt chuyện lan man, về nước Nga, về những kẻ làm mưa làm gió ở New York, và tình hình nhà cửa ở Manhattan và ở Ba Lê.

Bailey qua sang nói với đứa trẻ đang ngoan ngoãn ngồi yên trên tay dựa chiếc ghế bành :

— Ngày mai bác Ferris sẽ đi tàu bay vượt qua biển. Ba đoán chắc hẳn là con muốn được chui vào trong rương của bác ấy để đi lặn một chuyến, có phải không ?

Đứa bé bắt mở tóc xoa trước trán :

— Con muốn đi máy bay và con muốn làm nhà báo như bác Ferris.

Rồi nó nói thêm với một giọng tự tin bất ngờ :

— Về sau lớn con muốn làm như thế.

Bailey nói :

— Ba tưởng con muốn làm bác sĩ chứ.

— Không, con muốn làm cả hai. Con muốn làm cả nhà bác học bom nguyên tử nữa.

Elizabeth đi vào phòng khách, trong tay ôm một đứa bé

gái nhỏ. Nàng đặt đứa bé vào trong lòng bố :

— Kia anh John ! thật là cả một cuộc hội ngộ. Anh lời được tôi mừng quá.

Đứa bé gái nhỏ ngồi trên đùi bố một cách chững chạc. Nó mặc một cái áo choàng bằng tơ mỏng màu hồng nhạt, cổ màu hồng tươi, đầu thắt một chiếc «nơ» lụa đồng màu, cuốn những lọn tóc mềm óng nhạt về phía sau. Da đứa bé đậm ánh mặt trời mùa hạ, cặp mắt nâu óng ánh vàng và tươi. Nó đưa tay lên với sờ soạng cặp kính gọng sừng của người cha và người đàn ông bỏ kính ra để đứa bé nhìn qua mắt kính một lúc.

— Bác Candy hồi này ra sao ?

Elizabeth rất đẹp, có lẽ đẹp hơn bao giờ hết. Bộ tóc nàng thẳng mượt và óng chuốt, gương mặt nàng dịu dàng hơn, rạng rỡ và trong sáng. Một thiếu phụ điển kiều, thích hợp trong không khí gia đình. Nàng nói :

— Trông anh vẫn chẳng khác xưa là mấy. Nhưng đã lâu quá rồi nhỉ.

— Tám năm.

Chàng đưa tay lên vuốt mờ tóc mỏng, tự ý thức về mình. Và những lời thăm hỏi tiếp tục trao đổi.

Ferris bất giác cảm thấy như mình là một kẻ bàng quan, một người hoàn toàn xa lạ và không mong đợi trong gia đình nhà Bailey. Tại sao mình lại tới ? Chàng thấy đau đớn trong lòng. Cuộc đời chàng hình như quá cô độc. Một cây cột trợ trọi và lung lay giữa những hoang tàn của ngày tháng qua. Chàng cảm thấy không thể ở lâu hơn trong căn phòng ấm cúng này. Chàng liếc nhìn đồng hồ tay :

— Chắc anh chỉ sắp đi coi hát ?

Elizabeth nói :

— Thật đáng tiếc, chúng tôi đã lỡ hứa đi từ hơn một

tháng nay. Nhưng, chắc rồi chẳng bao lâu anh cũng phải có ngày trở về ở nhà chứ ? Không lẽ anh cứ đi biệt xứ hoài hay sao, có phải không anh John ?

— «Biệt xứ». Ferris lặp lại hai chữ. «Tôi không ưa hai chữ ấy lắm.»

— Có chữ nào hay hơn không ?

Chàng nghĩ một lúc :

— Có thể nói tôi là một kẻ phiêu bạt.

Chàng lại nhìn đồng hồ và một lần nữa Elizabeth lại xin lỗi :

— Phải chi chúng tôi biết trước được...

— Tôi chỉ còn có một ngày hôm nay ở đây. Tôi về bất ngờ. Có biết không, ba mới mất tuần trước.

— Ba mất rồi sao ?

— Ờ, ở bệnh viện John-Hopkins. Ông cụ ốm phải vào nhà thương từ gần một năm nay. Đưa đám ông cụ ở tỉnh nhà, dưới Georgia.

— Trời, anh John, thật tội quá. Xưa nay, ba vẫn là một trong số những người tôi quý mến nhất.

Đứa bé trai từ đằng sau chiếc ghế bước ra nhìn vào mặt người mẹ. Nó hỏi :

— Ai chết hả má ?

Ferris không để ý tới câu hỏi của đứa bé. Chàng đang mãi nghĩ đến cái chết của người cha. Hình ảnh xác người cha nằm thẳng trong chiếc quan tài lót nệm lại hiện ra trước mắt. Thịt xác chết đỏ một cách kỳ lạ, và hai bàn tay như bị sưng to, chắp lại trên những cánh hoa hồng tang tóc. Hình ảnh tan biến và giọng nói bình thần của Elizabeth làm chàng sực tỉnh :

— Cha của bác Ferris con ạ. Một người ai cũng kính nể mà con không biết.

— Nhưng tại sao má lại gọi ông ấy là «ba» ?

Bailey và Elizabeth trao đổi một cái nhìn bối rối. Và Bailey lãnh việc trả lời câu hỏi của đứa bé. « Đã lâu lắm, » người đàn ông nói, « mà con và bác Ferris đây là vợ chồng. Lâu lắm rồi, từ hồi con chưa đẻ kia,

— Bác Ferris hỏi bà ?

Đứa trẻ nhìn Ferris dăm dăm, vẻ kinh ngạc và hoài nghi. Và Ferris, khi đáp lại cái nhìn của đứa bé, ánh mắt chàng hình như cũng lộ vẻ không tin. Có thể nào đã có lần chàng gọi Elizabeth, người thiếu phụ xa lạ này, là « con ngoan cường » trong những đêm ân ái. Có thể nào hai người đã từng sống chung với nhau, và có lẽ đã cùng nhau chia xẻ cả một ngày ngày và đêm lễ lễ rồi cuối cùng bất ngờ phải đau khổ chia lìa sau khi những ghen tuông, giận hờn, những cơn say và những cuộc gây gổ về tiền bạc đã làm mòn mỏi dần và tàn phá hẳn những gắn bó vợ chồng.

Bailey nói với mấy đứa trẻ :

— Đến giờ ăn tối rồi. Thôi đi ăn cơm đi các con.

— Nhưng bà ơi ! Má và bác Ferris... con...

Cặp mắt mở không chớp của Billy— hoang mang và thoáng vẻ thù nghịch— làm Ferris liếc tưởng tới cái nhìn của một đứa trẻ khác. Đó là đứa con trai nhỏ của Jeannine, một đứa bé 7 tuổi chân tay khẳng khiu với một gương mặt nhỏ u tối mà chàng vẫn lần tránh và thương khi quên không biết tới.

Bailey nhẹ nhàng xoay thành Billy về phía khung cửa :

— Bước đều, bước ! Chào bác đi con.

— Chào bác Ferris.

Đứa bé nói thêm, giọng miễn cưỡng :

— Con tưởng còn được thức để chờ ăn bánh.

Elizabeth nói :

— Con trở lại ăn bánh sau. Bây giờ hãy chạy theo bà đi ăn súp đi đi.

Trong phòng chỉ còn lại hai người. Những phút im lặng

đầu tiên nặng trĩu. Ferris xin phép rót thêm rượu uống và Elizabeth đặt chiếc bình pha cocktail lên chiếc bàn bên cạnh chàng. Chàng nhìn chiếc dương cầm lớn kê trong phòng và nhận thấy bản nhạc còn gài trên giá.

— Độ này cô chơi dương cầm còn hay như ngày xưa không ?

— Tôi vẫn thích chơi.

— Đạo một bản đi, Elizabeth.

Nàng đứng giậy liền. Bản tình sầu sảng vắng lời của nàng xưa nay bao giờ cũng là một đức tính đáng yêu. Không bao giờ nàng từ chối, thoải thác. Bây giờ đây, nàng đang tiến về phía chiếc dương cầm, cảm giác nặng nề lúc nãy cũng tan biến đi.

Nàng bắt đầu dạo một prélude và một tấu thức của Bach. Âm thanh vui và trong suốt của bản prelude như những ánh sáng ngũ sắc phản chiếu từ một lăng kính để trong một căn phòng buổi sáng. Những nốt nhạc đầu tiên của tấu khúc một khúc nhạc dạo đầu trong trẻo và đơn côi, được dạo lại một lần thứ hai với một nhịp kép, rồi nhắc lại một lần nữa đóng khung trong những nhịp rõ, tiếng nhạc dồn dập, phẳng lặng và trong sáng, nhẹ nhàng trôi với những âm hưởng cao quý. Hai âm điệu khác đan vào nhạc khúc chính, được tô điểm thêm rất nhiều tiết tấu tinh vi. Khúc nhạc lúc bổng, lúc trầm cao vút, tuyệt vời như một cái gì đơn thuần không sợ bị chìm lấp đi trong toàn thể. Tới cuối bản nhạc, tất cả khả năng truyền cảm của bản nhạc được hội tụ lại trong một tiết điệu dịu dặt, phong phú nhún mạnh vào nhạc lý nổi bật đầu tiên và bản nhạc chấm dứt với một đoạn khúc hòa âm cuối cùng. Ferris ngã đầu vào lưng ghế và nhắm mắt lại. Một giọng nói cao và trong từ phòng ngoài vọng vào trong khoảng trống yên lặng tiếp theo đó.

— Bà à, làm sao mà má và bác Ferris lại có thể...

Tiếng một cánh cửa đóng lại. Tiếng dương cầm lại vang lên.. đây là bản nhạc gì ? Nhạc khúc trong sáng và quen

thuộc đã lắng sâu trong lòng chàng từ lâu. Bây giờ đây, bản nhạc gợi lên một thời gian khác, một nơi chốn khác.. Đó là bản nhạc xưa kia Elizabeth vẫn thường chơi. Tiết tấu dịu dàng làm sống dậy cả một vùng kỷ niệm hoang sơ. Ferris chìm đắm trong dấy loạn của những khát vọng thêm muốn xưa cũ, những xung khắc, và những ước muốn mây mù. Thật là lạ bản nhạc bắc cầu giữa hiện tại và những hồi ức rối loạn, hỗn độn, lại có thể trong sáng và rõ ràng như vậy. Sự xuất hiện của người tở gái cất ngang khúc nhạc du dương.

— Thưa bà, cơm đã dọn xong rồi ạ.

Ngay sau khi Ferris đã ngồi vào bàn ăn giữa hai vợ chồng, nhạc khúc gián đoạn vẫn còn ám ảnh tâm trí chàng. Chàng nói trong hơi rượu ngà ngà :

— «L'improvisation de la vie humaine.» Không có gì làm cho người ta ý thức được rõ tính cách nguy tạo của cuộc đời hơn là một bản nhạc đang dở. Hoặc là một cuốn sổ địa chỉ cũ.

• Cuốn sổ địa chỉ cũ ?» Bailley hỏi gặng. Nhưng rồi người đàn ông ngưng bật, có ý không muốn đi sâu vào câu chuyện và giữ một thái độ lịch sự.

— Johny, anh vẫn ông cụ non như ngày xưa.

Giọng Elizabeth phẳng phất sự triu mến ngày trước. Bữa ăn tối hôm đó là một bữa ăn theo lối miền Nam, và những món ăn là những món mà chàng vẫn ưa thích. Gà quay, bánh ngô và khoai chiên tẩm đường. Trong suốt bữa ăn Elizabeth luôn luôn gợi chuyện đề cho câu chuyện được linh hoạt mỗi khi sự im lặng kéo dài. Tới một lúc câu chuyện đưa tới chỗ Ferris phải nói về Jeannine.

— Tôi mới biết Jeannine mùa thu năm ngoái — cũng khoảng thời gian này — ở bên Ý. Nàng là một nữ ca sĩ và hồi đó đang có giao kèo trình diễn ở La Mã. Tôi hy vọng chúng tôi sẽ có thể lấy nhau một ngày gần đây.

Lời nói có vẻ quá thành thật, quá tự nhiên đến nỗi chính

Ferris thoát tiên cũng không thể ngờ rằng mình đã nói dối. Trong năm qua, chàng và Jeannine chưa bao giờ đề cập tới chuyện hôn nhân. Vả lại, hiện nay nàng vẫn còn có chồng, chồng nàng là một người Bạch Nga làm nghề đổi tiền ở Ba Lê, hai người đã sống ly thân từ năm nay. Nhưng đã quá trễ để có thể sửa lại câu nói dối. Ngay lúc ấy thì Elizabeth đã nói : «Tôi thành thực sung sướng được biết. Xin có lời mừng anh, anh Johny ».

Chàng cố chuộc lỗi bằng sự thật. «Mùa thu La Mã thật đẹp. Đầy hương thơm và sắc hoa, chàng nói, rồi thêm : «Jeannine có một đứa con trai lên 6. Thằng nhỏ thật kỳ khôi và biết nói tới ba thứ tiếng. Thỉnh thoảng chúng tôi lại đi thăm điện Tuileries. »

Lại một câu nói dối nữa. Đã có lần chàng dẫn đứa bé đi chơi vườn bách thảo. Đứa trẻ khác giống, vẻ mặt u buồn, mặc quần soọc để trần hai cẳng chân khẳng khiu, chèo thuyền trên mặt hồ thành xi măng và được cho cưỡi một con ngựa con trong vườn bách thảo. Nó dúi đi xem kịch diễn bằng những hình nộm nhưng không kịp vì Ferris còn có hẹn ở khách sạn Scribe. Chàng hứa sẽ dẫn đứa nhỏ đi xem kịch hình nộm vào một buổi chiều khác. Chàng mới chỉ dẫn thằng bé Valentin đi chơi điện Tuileries có một lần.

Không khí im lặng bị khuấy động. Người tở gái đem vào một chiếc bánh trên có lớp kem trắng và có những ngọn nến màu hồng. Đàn trẻ con mặc đồ ngủ đi vào trong phòng. Ferris vẫn không hiểu. Elizabeth nói :

— Mừng ngày sinh nhật của anh. Anh thôi tắt nến đi.

Ferris nhận ra ngày sinh nhật của mình vẽ trên chiếc bánh. Những ngọn nến lay động rồi bị thổi tắt, tỏa ra một mùi sáp cháy. Năm nay chàng đã 38 tuổi. Những đường gân nổi đậm nét trên thái dương, thấy rõ nhịp mạch máu.

— Bây giờ hai anh chị đi coi hát là vừa.

Ferris cảm ơn Elizabeth về bữa cơm kỷ niệm sinh nhật và ngũ lời chào tạm biệt thương lệ. Tất cả gia đình tiễn chân chàng ra tận cửa.

Mảnh trăng khuyết và cao tỏa ánh sáng trên những tòa nhà chọc trời tối đen lờm lờm. Ngoài đường gió nhiều và lạnh. Ferris đi mau ra đại lộ thứ Ba và gọi một chiếc xe taxi. Chàng bàng hoàng ngắm nhìn thành phố ban đêm như một kẻ cổ thụ hút vào trong tâm khảm qua khói mắt những hình ảnh thân thuộc trước khi ra đi và có lẽ không bao giờ trở lại. Chàng thấy cô đơn và chàng mong ngóng chóng đến giờ máy bay cất cánh, mong ngóng cuộc hành trình sắp tới.

Ngày hôm sau ngồi trên máy bay chàng nhìn xuống thành phố rực ánh sáng mặt trời, với những đường nét rõ rệt và thu nhỏ như đồ chơi của trẻ con. Rồi Mỹ châu lùi lại đằng sau để chỉ còn mặt biển Đại Tây Dương và vùng bờ biển Âu châu ở xa tắp. Mặt biển trắng nhạt như sữa và phẳng lặng dưới những đám mây. Ferris ngủ gà ngủ gật gần suốt ngày. Vào lúc trời bắt đầu tối, chàng nghĩ tới Elizabeth và cuộc thăm viếng buổi tối hôm trước. Chàng nghĩ tới Elizabeth sống trong gia đình nàng và chàng cảm thấy ao ước, khát khao nhẹ nhàng và nuôi tiếc khó tả. Chàng gọi lại trong óc nhạc khúc và âm điệu giăng dờ đã làm chàng xúc động đến ngần nào. Trong óc chàng chỉ còn dư vang lại một vài nhịp điệu rời rạc và chàng không còn nhớ lại được toàn thể nhạc khúc. Chàng chỉ còn có thể gọi lại được những âm điệu đầu tiên của tấu khúc mà Elizabeth đã dạo tối hôm qua, những âm hưởng vọng về yếu ớt như chế nhạo. Lơ lửng trong khoảng không giữa biển và trời, chàng cảm thấy không còn bản khoản vì những ưu tư về sự phù du và nỗi cô đơn và chàng nghĩ về cái chết của người cha một cách bình thản. Vào lúc ăn bữa tối, máy bay đã tới bờ biển nước Pháp.

Đến nửa đêm thì Ferris đã đang ngồi trong xe taxi chạy

ngang thành phố Ba Lê. Trời tối mây mù và những ánh đèn ở công trường Concorde đục mờ trong hơi sương. Ánh sáng từ những quán rượu nửa đêm nhấp nháy ảo ảnh trên mặt hồ ẩm ướt, Cũng như mỗi lần sau những chuyến bay vượt đại dương, chàng cảm thấy sự thay đổi giữa hai lục địa đến một cách gần như đột ngột. Buổi sáng ở Nữ Ước, và đây là thành phố Ba Lê vào lúc nửa đêm. Ferris thoáng nhận thấy những sự bừa bãi trong cuộc đời chàng: một chuỗi giải nối tiếp những thành phố và những cuộc tình duyên tạm bợ; và thời gian, thời gian với những năm tháng lạng lẽ trôi qua một cách hải hùng, thời gian mãi mãi.. Chàng thoáng thốt nói lớn:

— Vite ! vite ! Dépêchez-vous !

Thằng bé Valentin đi ra mở cửa cho chàng vào trong nhà. Nó mặc một bộ pyjama và khoác một chiếc áo đồ đã chật. Cặp mắt màu xám của đứa bé tối xăm lại và chớp nhanh khi Ferris bước vào trong nhà:

— J'attends maman.

Jeannine hát ở một hộp đêm. Ít nhất một giờ đồng hồ nữa nàng mới về nhà được. Thằng Valentin quay trở lại với tấm hình nó đang vẽ. Nó ngồi xếp xuống mặt sàn, trước mặt nó là một mảnh giấy và những chiếc bút chì màu. Ferris nhìn xuống bức tranh: đó là hình vẽ một nhạc công chơi đàn banjo với những nốt nhạc và những nét lượn sóng bên trong một chiếc khinh khí cầu vẽ theo kiểu hí họa.

— Chúng ta sẽ lại đi chơi điện Tuileries.

Đứa trẻ ngược mặt nhìn lên và Ferris kéo nó lại gần chân chàng. Nhạc khúc và bản đàn giăng dờ mà Elizabeth dạo ngày hôm qua đột nhiên vang vọng bên tai chàng. Những kỷ ức không khơi động tự hiện lên, và bây giờ chỉ còn là một nhận thức kỷ ức và một niềm vui bất ngờ. Đứa nhỏ nói:

— Ông có gặp không, ông Jean ?

Câu hỏi làm chàng bối rối. Chàng chỉ nghĩ tới một đứa

trẻ khác — một đứa trẻ mặt lấm chấm tàn nhang và được cưng chiều trong gia đình — « Em nói gặp ai ? »

— Ba của ông chết ở Georgia ấy. — Và nó nói thêm : Ông cụ khỏe chứ ?

Ferris nói mau như người đang vội vã : « Chúng mình sẽ đi chơi điện Tuileries luôn. Cháu sẽ được cưỡi ngựa và chúng mình sẽ đi xem kịch hình nộm. Chúng mình sẽ đi xem các hình nộm diễn kịch và sẽ không bao giờ phải vội vã nữa. »
Thằng Valentin nói :

— Kịch hình nộm bây giờ đóng cửa rồi, ông Jean ạ.

Nỗi hối hận lại trở lại với nhận thức về những năm tháng hoài phí và sự chết. Thằng bé Valentin, chịu nói chuyện và tin yêu, vẫn ép mình trong cánh tay chàng. Máu đứa trẻ áp vào má chàng và chàng cảm thấy hàng mi mềm cọ nhẹ trên má. Chàng ôm ghì đứa trẻ trong lòng trong một niềm u hoài tuyệt vọng — tưởng như một cảm xúc cũng dễ thay đổi như tình yêu của chàng có thể thắng được nhịp thời gian.

C. B dịch

VŨ - KHẮC - KHOAN

Ngộ nhận

LÔNG NGÔN

(tiếp theo)

Dịch hữu thái cực, thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái»

DỊCH : HỆ TỬ-THƯỢNG

Thái cực bởi vậy mà khó quá

CHỈ QUA KHẮC KHOAN

Cuội dẫn Nữ ra. Rồi lại vào, một mình.

CUỘI

Anh Nam.

Nam nhìn Cuội. Yên lặng một lát.

NAM

(xăng giọng)

Ông cụ sai anh đến đây, phải không ?

CUỘI

Phải thì sao, mà không phải thì sao ?

NAM

Đừng ốm ở.

CUỘI

Nhưng sao anh lại hỏi tôi như vậy ?

NAM

Tôi muốn biết rõ lập trường của anh.

CUỘI

Lập trường. Anh học đâu được danh từ này thế ?

NAM

Tôi không đùa.

CUỘI

Không ai đùa cả. Nhưng anh đặt nhầm vấn đề. Vấn đề đầu phải là vấn đề lập trường ? Vấn đề gián dị là anh có cần gặp tôi không. Có thể thôi. (Một lát.) Thế nào, có cần không, trả lời đi. (Một lát.) Không trả lời nghĩa là cần. Mà đã cần thì còn tra vấn lập trường của nhau làm gì nữa ? Có phải không, anh Nam ?

NAM

(thở dài)

Tôi an nói vụng về, làm sao theo kịp được anh ? Chịu thua anh rồi.

CUỘI

Làm gì có chuyện ăn thua, giữa tôi và anh ? Anh đang hồ tâm, tôi biết. Nếu anh thấy tôi có thể giúp anh được một phần nào thì anh cứ nói rõ tôi nghe. Dầu sao thì anh với tôi sống cùng chung một hơi thở, cũng cùng do một bàn tay ông cụ mà ra.

NAM

Nhưng ông cụ nặn tôi ra để làm gì ? Tôi, một sớm bồng thành hình, để làm gì ? Nỗi khổ tâm của tôi một phần cũng là do mối thắc mắc đó mà ra. Anh sinh ra trước tôi, anh lại luôn luôn ở gần ông cụ, tất anh phải biết rõ ràng câu chuyện. Tôi chỉ xin anh nói thật tôi nghe. Anh đừng ngại ngùng gì cả. Tôi có thể chịu đựng bất kỳ một số phận nào..

CUỘI

Anh không biết thực ư ?

NAM

Nếu biết thì còn phải hỏi anh làm gì ?

CUỘI

Sao anh không hỏi thẳng ông cụ ?

NAM

Tại sao tôi lại phải hỏi ông cụ ?

CUỘI

Như vậy là anh đã tự trả lời anh rồi đó.

NAM

Cách trả lời đó chỉ có nghĩa trước khi có Nữ, khi tôi hiện hữu một mình. Ngay tự buổi đầu, vết chân in dấu đầu tiên trên mặt đất liền, tôi cũng hiểu như vậy. Và tôi đã vội vàng cắm mốc rõ rệt vùng trời tự do bát ngát của tôi. Tôi cần gì hỏi ai lúc đó ? Tôi không có tâm sự. Tôi không hề thắc mắc. Tôi sống như một chú thỏ nhảy cẫng dưới ánh trăng vàng. Tôi tự tại như một tảng đá xù xì, như giòng sông Ngân sinh ra để chảy, chảy mãi không thôi. Nhưng bây giờ... bây giờ thì khác rồi. (Một lúc.) Anh Cuội... ông cụ sinh ra tôi làm gì... mà đã sinh ra tôi, tại sao ông cụ lại còn sinh ra Nữ ?

CUỘI

Ông cụ thấy anh thui thủi một mình...

NAM

Và ông cụ cho ngay rằng tôi buồn nên mới nặn ra Nữ chứ gì. Nếu thế thì ông cụ lầm rồi. Anh có biết không, chính là vì Nữ cả.

CUỘI

Anh nói thế thì tội cho chị ấy qua.

NAM

Tôi đâu có trách Nữ ? Nữ cũng khổ như tôi. Chúng tôi

đều biết như vậy, ngay tự buổi đầu gặp gỡ. Tôi còn nhớ, tôi vừa chợt tỉnh một giấc ngủ yên lành, giấc ngủ yên lành cuối cùng của tôi. Còn Nữ thì vừa mới thành hình, lơ lửng dưới ánh mặt trời rực sáng. Tôi còn nhớ, tôi thấy trống trải lạ thường, như vừa mất một cái gì...

CUỘI

Anh đã mất một phần thân xác của anh.

NAM

(đưa tay lên ngực)

Có là gì một mảnh xương con ? Thân xác của tôi chỉ là cát bụi. Tôi đã mất một vật quý hơn cả thân xác. Tôi đã mất tự do, anh ạ.

CUỘI

Tự do chỉ là một danh từ.

NAM

Tự do là một thực tại. Nó đã sống với tôi, ngay trong tôi, khi chưa có Nữ. Nhưng Nữ là ánh mặt trời mà tự do chỉ là một giọt sương đêm. Tôi nghe thấy giọt sương đêm trong tôi dần dần khô cạn ngay tự phút đầu khước mắt trao nhau giữa Nữ và tôi. Cũng ngay trong giây phút đó, lần đầu tiên tự buổi thành hình, chất xám loang ra; nơi óc, tôi chợt thấy ngậm ngùi cho cái thân phận kỳ quặc của mình luôn luôn bị đẩy vào những thế sống đã sẵn an bài : bị ném vào đời rồi

lại bị đặt trước Nữ. Anh thấy không? Tôi đã mất tự do. Mà cũng vì thế mà thắc mắc, băn khoăn, mà tự hỏi. Tôi sinh ra để làm gì? (Một lát.) Anh Cuội, lúc này anh có bảo tôi hỏi thẳng ông cụ...

CUỘI

Đúng. Nhưng bây giờ thì tôi lại nghĩ khác. (Bây giờ) tôi đâm ra nghĩ ngờ tất cả. Có lẽ ông cụ cũng như anh, cũng như tôi. Nghĩa là cũng là mù lờ mờ...

NAM

Đâu có thể được? Tôi chắc rằng ông cụ phải nuôi một ý định gì ghê gớm lắm cho nên mới mất bao nhiêu công phu để sáng tạo ra muôn loài, muôn vật...

CUỘI

Thế ngộ ông cụ chỉ bày đặt ra đề mà... chơi thi sao?

NAM

Chơi, chơi gì mà ác vậy!

Yên lặng một lát

Thôi, bây giờ trở lại câu hỏi lúc nãy.

CUỘI

Lại hỏi! Kề ra anh cũng rắc rối thật.

NAM

Mà cũng chẳng cần phải hỏi. Tôi chắc rằng chính ông cụ đã sai anh lại đây.

CUỘI

(cười)

Thì cứ cho là đúng đi. Rồi sao nữa?

NAM

Tôi lại có thể đoán được tại sao ông cụ lại làm như vậy.

CUỘI

Tại sao, anh Nam?

NAM

Lệnh sinh sản. Lệnh thi đua trở thành vô số. Ông cụ muốn biết tường tận duyên do thái độ của tôi. Ông cụ chắc lại muốn mượn tài ăn nói của anh để thuyết phục tôi. Để tôi trở nên ngoan ngoãn, cúi đầu thi hành mệnh lệnh của Trời. Có đúng không, anh Cuội?

CUỘI

Đúng.

NAM

Vậy thì anh có thể coi như công việc của anh đã tạm

xong một phần. Phần trên. Thông minh như anh, qua lời tấn sữ của tôi, chắc anh phải rõ tại sao tôi lại nhất định chống đối mệnh lệnh của Trời.

CUỘI

Anh quá khen. Nhưng anh cứ tạm quên cái thông minh của tôi đi. Rồi nói rõ và kỹ tôi nghe. Tại sao, anh Nam, tại sao anh lại quyết tâm chống đối cái lệnh sinh sản của ông cụ ?

NAM

Vì tôi coi thái độ chống đối đó là một cách giải quyết cái nỗi thắc mắc của tôi. Không ai cho tôi biết rõ cứu cánh của tôi ở đời, kể cả cái người sáng tạo ra tôi. Tôi phải suy nghĩ một mình, rồi lại một mình định đoạt cho mình một thứ cứu cánh. Anh Cuội, tự do đã lừa bịp tôi, từ nay cứu cánh duy nhất của tôi ở đời sẽ là tìm lại tự do. (Một lát.) Do vậy mà tôi chống đối.

Yên lặng một lát.

CUỘI

Như vậy là xong xuôi công việc, kể cả phần trên lẫn phần dưới, có phải không, anh Nam ? Tôi đã hiểu rõ thái độ của anh và cũng khỏi mỗi mồm thuyết phục, có phải không, anh Nam ? Vì... tất nhiên là anh sẽ giữ vững lập trường.. có phải không, anh Nam ?

Yên lặng.

Tôi có thể giả từ anh chứ ?

NAM

(hơi lúng túng)

Anh Cuội... Lúc này tôi có nói rằng nỗi khổ tâm của tôi một phần là do nơi thắc mắc về số phận của tôi mà ra. Tôi coi một phần... một phần lớn... nhưng...

CUỘI

Nhưng không phải là tất cả. Còn gì nữa, anh Nam ?

NAM

Khó nói quá.

CUỘI

Nếu ngại ngùng thì anh cứ coi như không có tôi ở đây. Anh cứ coi như có một mình...

NAM

Một mình. Anh Cuội... tôi lúc nào mà chẳng một mình ?

CUỘI

Anh còn chị Nữ.

NAM

Nhất là từ khi có Nữ.

CUỘI

Ồ... anh nói lạ quá !

NAM

Nhất là từ khi có Nữ. Trước kia tôi đâu có biết rằng

tôi chỉ có một mình? Từ khi có Nữ tôi mới biết cô đơn.
(Một lát.) Nghĩ cũng buồn cười. Ông cụ sợ tôi cô đơn mà nặn
ra Nữ. Mà thật ra... lại chính vì Nữ mà tôi gặp cô đơn.

CUỘI

Thế này thì còn chống đối gì nữa? Rắc rối thật.

NAM

Tôi bị kẹt. (Một lát.) Và bây giờ thì đến lượt anh. (thở
đài.) Anh hãy làm nốt công việc của anh. Tôi đợi nghe
những lời... vàng ngọc... của anh.

(còn tiếp)



TUÝT



CHIẾN TRANH NHƯ MỘT ĐỊNH MỆNH

SINH, Yêu và Chết và những giới hạn chân thật nhất của đời sống, đối diện với chúng, con người nhận mặt rõ tự do rõ Định Mệnh của mình; đại khái một tác giả Tây Phương nào đã nói thế — Đối với chúng ta trong nhiều năm nay ba biên giới ấy nhập vào trong một thực tại tàn bạo: chiến tranh. Sinh trong chiến tranh, yêu trong chiến tranh và chết trong chiến tranh; chiến tranh ở đâu như là một trạng thái bất thường, ở đây là hằng ngày, là ngày và đêm, tháng và năm, là đời sống thường nhật.

Một ngày chưa xa chúng ta còn nói với nhau đây là một cuộc chiến tranh ý thức hệ, một cuộc đấu tranh cho những ngôn từ yêu dấu: tôi muốn được sinh ra như... tôi muốn được yêu như... tôi muốn được chết như... Nhưng rồi chúng ta bỗng thấy mình đang ôm chặt những ngôn từ, nhìn thực tại biến diễn truy hoại, chiến tranh từ lúc nào (từ lúc nào, hãy thử giải thích cùng nhau) hiện hình là một cuộc chiến tranh trắc nghiệm. Trắc nghiệm ý thức hệ, trắc nghiệm chiến lược, trắc nghiệm chiến thuật, trắc nghiệm vũ khí... Trắc nghiệm

là một ngôn từ thật mới mẻ, xương danh một thực tại mới mẻ. Chúng ta có gì để trắc nghiệm không?

Việt Nam, nơi chiến trường trắc nghiệm của Nghiêm xuân Hồng được viết như một nỗ lực quan sát của một kẻ ngoài cuộc trước những dữ kiện phổ bày (những dữ kiện phổ bày chung cho mọi người) thiết lập một bản giải đáp gồm có mấy điểm: a, b, c, d, e, f. Tác giả cùng người đọc như ngồi trước một bản trắc nghiệm thử khoanh xem câu giải đáp nào đúng. Nhưng dường như khi khoanh xong tác giả cũng như người đọc vẫn chưa hài lòng vì ngoài những dữ kiện đã cho còn có nhiều ẩn số và ẩn số thứ nhất trọng yếu là có thật chúng ta ở ngoài cuộc hay không? Dù sao tập sách của Nghiêm xuân Hồng cũng là tập sách đầu tiên của một người V.N nhìn cuộc chiến tranh đang tiếp diễn trên đất nước này bình thản, tránh bột đam mê, như một cuộc

cờ rắc rối. Thiết tưởng đó cũng là sự cần thiết.

*

Nhưng trở về với đời sống thì chiến tranh không phải là một cuộc cờ. Nó bi thảm, nó chán chường, nó rùng rợn như nó làm nhảm như những lời nói *chuyện với người chết*, như cái nhìn của những người khổ đau, nó là sự chia hai của đời sống ngộ nghĩnh, nó là *hạt sạn làm điên đảo trí tưởng*, nó là *mé lẹ* có những kiếp người quay cuồng, nó là *linh hồn bị xâu xé giành giật*, nó là *người giết người*. Lý hoàng Phong của *Sau cơn mưa với Người giết người* đã muốn ghi nhận cảnh tượng của chiến tranh trong đời sống ở ngoài những hệ thống, những ý đồ, những quan niệm. Một đời sống trần trụi bình thường như cái bút pháp muốn đến gần lời nói hằng bữa trong sinh hoạt. Nhưng chúng ta tự hỏi có được không, có thật đó là

một đời sống không biểu hiện một quan niệm, một hệ thống nào không? Lời nói kia thật sự vẫn dấu điểm một sự lựa chọn, tác giả đã lựa chọn một thái độ gọi là *nhân bản*, một thứ nhân bản trống không, thứ *nhân bản tự vệ*, phải rút vào trong cái ý niệm về một sự vĩnh cửu ngoài con người. Lựa chọn một nhân bản cũng là một lối thú nhận sự bất lực, một sự sợ hãi tương lai làm tê liệt chân tay và tư tưởng.

Nhưng sự bất lực thâm do chiến tranh này gây ra cho chúng ta phát hiện mình bạch nhất trong thi ca, trong thơ của những người trẻ tuổi — như tập *Trường ca Việt Nam* của *Chu Vương Miện*, là một trong nhiều thí dụ. Chiến tranh bị rửa xả, bị lên án bằng những lời phẫn nộ đau thương. Không ai phủ nhận tình cảnh bi đát của những con người giàu cảm xúc và nhiệt tình ấy. Những cảm xúc và nhiệt tình khi biểu hiện qua tác

phẩm vẫn bị giam cầm trong ngôn từ, và người ta phải hiểu rằng ngôn từ cũng là những cái bẫy của một cơ cấu xã hội nào đó. Hành động thi ca trước tiên là một hành động tình khiết hóa ngôn từ, không có hành động ấy thì ca đã tự phản bội. Lập lại cái ngôn từ của một cơ cấu mình muốn phá bỏ hóa thành mình vẫn chỉ là thứ đồng lõa vô ý thức. Hành động của những thi phái đa đa hay siêu thực trước kia ở Âu Châu có ý nghĩa ấy. Các người làm thơ trẻ không nhìn được chiến tranh trong ngay chính ngôn ngữ họ sử dụng những từ lưu thông trong xã hội như món sản phẩm của một ý đồ nào đó và huyễn hoặc làm mờ trí mọi người. Không phải là vấn đề hình thức — nghệ thuật vị nghệ thuật đâu — đó là vấn đề sinh tử của thi ca như một hành động giải phóng. Phải nhớ rằng ngôn từ cũng là một áp lực khổng lồ ghê gớm trên trí

não con người, tư tưởng trên những tiếng có sẵn, nhất là làm thơ bằng cái ngôn từ gông cùm của phe phái là phản bội ngay chính cái ý hướng tốt đẹp khởi đầu. Tưởng tượng chiến tranh hóa thành đồng lõa với chiến tranh vì đã dìm ngập thêm thần trí vào trong một vùng mù đặc tuyệt vọng. Trừ phi muốn làm thơ tuyên truyền không kể. Thơ không phải

là ghi nhận, không phải là cảm tưởng, không phải là luận thuyết và không thể bao giờ làm bằng những ý niệm có sẵn.

Trong cuộc chiến tranh này nhau nhận những ý niệm đóng hộp, ướp lạnh và viết về chiến tranh đòi hỏi một ý thức phản tỉnh mạnh mẽ.

DU THANH HẢO